

Vấn đề ẩm thực trong đạo Phật

Tỳ kheo Thiện Minh dịch Việt

Nguyên tác: Jan Sanjivaputta, "Are you herbivore or carnivore?", England, 1992

Mục Lục

Lời giới thiệu

[I]

1. Bối cảnh ăn chay - Quan niệm và cách cư xử của Đức Phật
2. Quan niệm Phật giáo Nam tông về thú vật và chủ nghĩa ăn chay
3. Quan niệm Phật giáo Bắc tông về việc ăn chay
4. Ăn chay và sự thanh tịnh
5. Thịt cá nấu chín có còn sự sống không?
6. Tâm Từ là nền tảng của sự ăn chay
7. Trách nhiệm pháp lý gián tiếp
8. Ăn chay có thể thay đổi tánh nết không?
9. Ăn chay có thể làm giảm mức sát hại không?
10. Chủ nghĩa ăn chay và thịt nhân tạo

[II]

11. Bữa cơm cuối cùng của Đức Phật Tổ Gotama: Nấm hay thịt lợn?
12. Một vị Bồ-tát phải thực hành việc ăn chay không?
13. Việc thực hành ăn chay do các tu sĩ
14. Người cư sĩ thực hành việc ăn chay
15. Ăn chay trong thời đại mới
16. Việc ăn chay hay Bát giới: Một sự lựa chọn tùy duyên
17. Ăn chay và sức khỏe
18. Tóm lược

Lời bạt

Chú thích

[III]

Phụ đính: Dĩ kinh, chứng kinh (về vấn đề ăn chay)

Xem thêm: [Vấn đề ăn chay, ăn mặn trong đạo Phật](#). Tuyển tập các bài bình luận.

Lời giới thiệu

Mạnh Tử nói "Kiếm ký sanh bất nhân thực kỳ nhục", nên "Quân tử bất nhập trú phòng". Tuy có quan niệm như vậy, nhưng các nhà Nho đầu có ăn chay, có lẽ gần giống quan điểm "Tam Tịnh Nhục" của Phật giáo?

Thành thật mà nói: tục lệ ăn chay do các tu sĩ Phật giáo về sau xu hướng theo Bà La Môn (Ấn Độ giáo) ở Ấn Độ và Đạo Tiên ở Trung Quốc để dễ thu hút tín đồ của họ, như ngài Huệ Năng nói:

"Muốn toan lo độ thế
Phương tiện phải sẵn sàng
Chớ để người nghi hoặc
Tánh họ mới minh quang"

Giòng Thiên Tào Khê Trung Quốc và giòng Thiên Trúc Lâm Việt Nam, các vị tổ cũng không quá cố chấp tập quán ăn chay. Một số nước Phật giáo Đại Thừa như Mông Cổ, Triều Tiên, Nhật Bản v.v...họ cũng không bảo thủ tục ăn chay, với họ thì "quân tử ưu đạo bất ưu thực" cũng như người Việt Nam thường nói "ăn để sống chứ không phải sống để ăn"; hay là "tham lam sân hận không chừa, bo bo mà giữ tương đưa ít gì!"; hoặc "uống ngật mê chay nan liễu đạo, không đồ xướng niệm đạo nan thành!"

Riêng tôi thì "không chê đồ chay, nhưng không chấp nhận thành kiến ăn chay", có lẽ ảnh hưởng tinh thần Bát nhã "cá thịt nhưng không phải là cá thịt" (nếu lúc ăn có chánh niệm tinh giác, thấy các vật thực vốn là nguyên chất đất, nước, lửa, gió...), "tuy không phải cá thịt nhưng là cá thịt" (bởi khi ăn các món chay mà hình thức lẫn tên gọi đều là đồ mặn như thịt quay, cá kho v.v...đồ chay mà tâm mặn). Vì vậy mới bị người ta phê bình là "ăn mặn nói ngay, ăn chay nói dối"

Soạn giả cũng như dịch giả tập sách này chắc chắn không có ý chỉ trích, xuyên tạc người ăn chay, chỉ muốn biện minh vấn đề ăn chay không phải là một trong tám muôn bốn ngàn Pháp môn của đức Phật Gotama mà chỉ là "giáo ngoại biệt truyền" thôi!

Với tinh thần phá chấp, tôi xin trân trọng giới thiệu tập sách "Vấn đề ẩm thực trong Phật giáo" do Thầy Kheo Thích Thiện Minh dịch, đến chư Phật tử đọc và suy gẫm.

Biên Hòa ngày 20-6-99
Thượng Tọa Giác Chánh
Trưởng Ban Văn Hóa Phật Giáo, Tỉnh Hội Đồng Nai

[Phần I]

-oOo-

1. Bối cảnh ăn chay - Quan niệm và cách cư xử của Đức Phật

Thuật ngữ tiếng Anh "Vegetarianism", nghĩa là chủ nghĩa ăn chay đã ra đời lần đầu tiên vào năm 1847 [1]. Nhưng trong thực tế ý niệm về ăn chay đã có từ ngàn xưa. Từ bỏ việc ăn cá thịt được người ta tìm thấy trong học thuyết của triết gia Hy Lạp Pythagoras, về sau Plato, Epicurus, Plutarch và những nhà triết học khác tiếp tục kế thừa. Trong Jambudvipa (Ấn Độ trong thời kỳ Đức Phật tổ Gotama), những tín đồ của Kỳ Na giáo được sự hướng dẫn bởi

Mahavira, được hiểu như là những nhà đạo sĩ tuyệt đối thực hành phương pháp ăn chay [2]. Trong số những người đệ tử của Đức Phật, Devadatta là người chính thức đề cao việc ăn chay. Cùng với bốn người bạn đồng tu khác, Devadatta cố gắng đề xuất năm giáo điều khô hạn cho các tu sĩ của Tăng đoàn, một trong năm giáo điều đó là tu sĩ tuyệt đối không được ăn cá thịt. Trong việc đề xuất này, Đức Phật tổ Gotama dạy rằng những Tỳ khuru nào cảm thấy an lạc trong việc ăn chay thì cứ ăn. Tuy nhiên ngài từ chối để phê chuẩn hay áp dụng giới luật này cho các Tỳ khuru một cách cưỡng ép.

Từ những lời khẳng định được Đức Phật tổ Gotama dạy, rõ ràng là ăn chay thực sự không phải là một phần chính yếu của pháp luật. Ăn chay là việc không quan trọng và không cần thiết lắm. Ăn chay không làm cho con người thanh tịnh, trong sạch và đạt đến giác ngộ Níp-bàn được. Nói một cách khác, dù có ăn chay hay không, người ta vẫn có cơ hội và có khả năng thành đạt sự thanh tịnh và giác ngộ thực sự.

Đức Phật tổ Gotama đã nhiều lần gặp phải những vấn đề về ăn chay. Nigandha Nathaputta - cũng được gọi là Mahavira - vị lãnh đạo Kỳ Na giáo đã thường xuyên nhạo báng ngài. Các đệ tử của Mahavira thảo luận vấn đề này trong hàng động: "Này các bạn - Đạo sĩ Nathaputta nói - Sa môn Gotama ăn thịt đã được chuẩn bị riêng cho ông ta, với đôi mắt mở". Nghe như vậy, Đức Phật dạy: "Đây không phải là lần đầu, môn đệ Nathaputta đã nhạo báng Như Lai ăn thịt mà việc ăn thịt này do chính Như Lai làm; trong quá khứ ông ta đã nhạo báng Như Lai nhiều lần rồi".

Sau đó ngài kể cho chư vị nghe một câu chuyện tiền kiếp (Telovada jataka). Vào thời khi vua Brahma-datta ở Benares, đức Bồ Tát sinh ra trong một gia đình Bà la môn khi trưởng thành ngài chọn đời sống xuất gia. Từ Himalaya ngài bay xuống trần tìm muối và đồ gia vị, sau đó đi khất thực trong thành phố. Một người giàu có chuẩn bị kế hoạch để phá hại Bồ Tát, cho nên người ấy thỉnh ngài về nhà và phục vụ ngài bữa ăn có cá. Sau bữa ăn người đó ngồi xuống một bên và nói: "Thực phẩm này làm được là tôi cố ý cho ngài ăn, bằng cách là giết thú sống. Tội lỗi này không phải của tôi mà là của ngài!" Và người đàn ông ấy nói lên câu chủ đề nhất: "Người ác sát sinh, nấu nướng và cho ăn, ngài ăn bữa cơm đó cho nên ngài có tội". Nghe sự việc này, đức Bồ-Tát đọc câu thứ hai: "Người ác có thể giết vợ và con đem cho người khác; tuy nhiên, nếu người thánh thiện ăn thì không có tội" [3]. Vì vậy có thể nói rằng ai sát sinh thì có tội, nhưng người ăn thì không. Chư Tỳ khuru được phép độ bất cứ loại thực phẩm nào theo tập tục quốc độ của mình, miễn là không ăn vì tham đắm hay ác ý.

Một vị Phật tổ không có quyền ngăn cản bất kỳ ai đó sát sinh. Một người có thể làm bất cứ điều gì mình mong muốn, nhưng người ấy sẽ chịu trọng trách và gánh chịu nghiệp quả của mình. Rất nhiều lần, Đức Phật tổ Gotama dạy rằng sát sinh là hành động bất thiện (akusala - kamma) sẽ gây nhân đau khổ. Cũng như nghề bán thịt cá (mamsa - vanijja) [4] là một trong năm nghề cấm đối với người Phật tử tại gia. Do đó người Phật tử tại gia đã có tâm hi xả rồi (upekkha), họ luôn có tâm từ bi đối với sinh linh. Bất kỳ hành động nào họ làm - thiện hay ác - họ sẽ là người thừa hưởng.

Quan niệm và cách cư xử của Đức Phật tổ Gotama đối với vấn đề ăn chay biểu lộ được trí tuệ của một bậc vĩ nhân. Sau khi xét đoán Sa môn Gotama một cách khách quan, y sĩ Jivakommarabhacca không do dự trở thành một đệ tử của Đức Phật. Có một lần Jivaka viếng thăm bậc đạo sư. Sau khi đánh lễ và ngồi một nơi thích hợp ông nói:

-- Bạch Đức Thế Tôn, đây là những điều con đã nghe như vậy: "Người ta sát sinh cố ý cho sa môn Gotama và sa môn Gotama dùng thịt này một cách cố tình". Thưa ngài, những người đó nói như thế có đúng chân lý không?

Sa môn Gotama trả lời:

-- Họ nói không đúng chân lý, bởi vì Như Lai đã dạy có ba trường hợp không được ăn thịt cá. Nay Jivaka, đó là thấy, nghe và nghi (người cố ý sát sinh cho mình ăn). Nhưng này Jivaka, ngoài ba trường hợp trên, Như Lai nói có thể dùng được.

Hơn nữa, bất cứ ở nơi nào các tu sĩ trong pháp và luật này luôn luôn tu tập hạnh từ, bi, hỷ, xả cho tất cả chúng sinh xa gần và không có oan trái lẫn nhau. Nếu thí chủ mời chư vị dùng bữa, chư vị nhận một cách chánh niệm bất cứ món gì. Chư vị không bao giờ nghĩ đồ ăn của thí chủ này ngon hay không ngon. Chư vị không bao giờ mong đợi sẽ được thí chủ cúng dường đồ ăn ngon. Chư vị thọ lãnh món ăn cúng dường nhưng không có tham đắm mà quán tưởng thực phẩm cúng dường và chuyển cần tu tập giải thoát.

Rồi Sa môn Gotama hỏi:

--Này Jivaka ông nghĩ sao? Lúc đó chư vị thọ lãnh thực phẩm không phạm luật chứ?

Jivaka đáp:

--Đúng như vậy, thưa ngài. Tôi được nghe như thế này: "Vững chãi trong tình thân hữu là cao thượng. Ngài là điếm tựa bởi vì ngài vững chãi trong tình thân hữu".

Đức Phật cũng giải thích rằng ai cố tình sát sinh cho Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai là có tội trong năm cách. Người ấy có tội khi nói: "Hãy đi bắt sinh vật này hay sinh vật nọ"; người ấy có tội khi con vật bị đau và bị bắt. Người ấy có tội khi nói: "Đi giết con vật đó"; người ấy có tội khi con vật này bị giết đau đớn và khổ sở; và có tội khi người này mang đến cúng dường cho Như Lai và đệ tử của Như Lai.

Dựa vào lời dạy của Đức Phật, có thể kết luận rằng, bất kỳ thú vật nào bị giết (do mình hay người khác) rồi đem dâng cúng (udissa - mamsa) làm thực phẩm thì điều đó là không được phép đối với một tu sĩ, nhưng trái lại thịt hay cá do tín đồ mua ở chợ, bán ở nơi công cộng cho mọi người tiêu thụ (pavatta - mamsa) thì thực phẩm đó được Đức Phật cho phép và tu sĩ có thể dùng được.

[\[Đầu trang\]](#)

2. Quan niệm Phật giáo Nam tông về thú vật và chủ nghĩa ăn chay

Phật giáo Nam tông thừa nhận thú vật là chúng sinh có tri giác. Thú vật không những chỉ có thân thể (rūpa) và bản năng, mà còn có chức năng của tâm như cảm thọ (vedana), tưởng (sanna), hành (sankhāra) và thức (vinnāna) [5]. Để chứng minh một cách có khoa học rằng bản năng của thú vật chỉ do trực giác thúc đẩy là một điều rất khó; những bản năng như nhận dạng được đồng loại, chăm sóc con cái, chọn nơi trú ẩn an toàn, nhớ con đường trở về tổ, biết sự chết, biết vui khi được chủ yêu thương và biết trung thành với chủ. Trong thực tế người ta sẽ nói, ai cho rằng thú vật chỉ có bản năng thì người đó chỉ dùng bản năng hơn là dùng tri giác của một con người. Thú vật không chỉ sống một kiếp mà sống nhiều kiếp, sau kiếp sống hiện tiền, còn đi tái sinh kiếp khác.

Thú vật không phải là những sinh vật thấp hèn hay bị đọa đày để loài người đối đãi độc ác. Tàn sát thú vật để cúng tế các vị thần linh khao khát máu hoang tưởng của các tôn giáo sơ khai là một việc làm phạm tội sát sinh. Xa hơn nữa Phật giáo truyền thống không bao giờ cho phép giết thú vật làm thực phẩm tiêu thụ hay phục vụ cho bất kỳ mục đích nào khác.

Cũng cần thiết để hiểu rằng thú vật không được tạo ra cho loài người. Tiến sĩ K.Sri Dhammananda, một nhà lãnh đạo Phật giáo Nguyên thủy Tích Lan, một vị giảng sư (dhammaduta) ở Malaysia nhiều năm qua đã tuyên bố: "Nếu chúng ta tin tưởng rằng thú vật

được tạo ra cho con người thì cũng có lý do cho rằng con người tạo ra cho loài thú bởi vì có loài thú ăn thịt người." [6].

Tuy nhiên Phật giáo truyền thống không đồng tình với quan điểm là giết thú vật có thể được ngăn chặn bằng phương cách phát động một cuộc phản đối mang hình thức là ăn chay. Phương pháp hữu hiệu để làm giảm thiểu việc sát sinh là phổ biến cho mọi người hiểu biết về lời dạy của Đức Phật. Chỉ có cách này họ mới thật sự hiểu biết giá trị của sự sống rất quan trọng cho loài người và thú vật. Điều này có nghĩa là tất cả chúng sinh đều có quyền sống. Loài thú cũng thích yên vui và không muốn khổ đau. Mạng sống của loài thú không thể nào bị hủy hoại bằng bất cứ lý do gì - như vậy đáp ứng lòng mong mỏi của loài người. Nhờ hiểu biết đúng đắn như vậy, người ta sẽ không giết thú vật cho việc tiêu thụ cá nhân hay bán ngoài chợ.

Như vậy mạng sống của loài thú được cứu nguy chứ không phải bằng cách cấm ăn thịt hay xem thịt là dơ bẩn, mà bằng phương cách đề cập đến giá trị của sự sống, đấu tranh cho quyền sống cơ bản của loài thú. Thật vậy phương pháp thực hiện của Phật giáo truyền thống trong việc đối phó tình trạng giết thú vật được xem là giải pháp trực tiếp tối ưu. Điều này hoàn toàn khác hẳn, từ giải pháp được đặt ra và áp dụng bởi những người ăn chay, có thể được xem như là một phương pháp không có hiệu quả, một người bảo vệ mạng sống loài thú bằng hình thức.

[\[Đầu trang\]](#)

3. Quan niệm Phật giáo Bắc tông về việc ăn chay

Nhiều người cho rằng ăn chay là một phần không thể tách rời của tư tưởng Phật giáo Đại thừa. Một điều giới luật về việc thực hành ăn chay được ghi rõ trong kinh Bồ-Tát giới: "Một Tỷ khuru ăn thịt từ con thú sống là một điều tội lỗi" [7].

Đặc biệt trong kinh Níp-bàn (của Đại thừa), được tìm thấy một lời dạy mạnh mẽ: "Ăn cá, thịt là phá vỡ hạt giống từ bi".

Trong kinh Phạm võng (Brahmajāla sutra) của tạng Sanskrit cũng dạy tương đương: "Một môn đệ của Đức Phật không nên cố ý ăn cá, thịt của bất cứ loại chúng sinh nào vì nếu hành động như vậy, vị đó đánh mất lòng từ bi, giới hạnh và hạt giống giác ngộ. Điều đó cũng là nguyên nhân làm cho các sinh vật gặp người đó sẽ xa lánh. Do đó chư Bồ-Tát xa lánh việc ăn cá, thịt của bất kỳ sinh vật nào. Việc ăn cá, thịt là cội nguồn của tội lỗi vô biên".

Bộ kinh Lăng-nghiêm (Surangama sutra) phê bình nghiêm túc về việc ăn cá, thịt: "Sau khi Như Lai nhập Níp-bàn, thời mạt pháp, ma quỷ sẽ lộng hành khắp thế giới, và sẽ khoe khoang là chúng ăn thịt để đạt giác ngộ. Này Ananda! Như Lai cho phép chư Tỷ khuru ăn năm loại thịt thanh tịnh, là sản phẩm của năng lực phi phạm của Như Lai chứ không phải là thú bị giết chết. Này Bà la môn, sống nơi cây trái không mọc được vì quá ẩm và oi bức và vì toàn sỏi đá, Như Lai sẽ dùng năng lực phi phạm của tình thương để trợ cấp cho các người ăn thịt ảo tưởng để cho các người qua cơn đói khát. Vậy thì, sau khi Như Lai Níp-bàn, các người ăn cá, thịt chúng sinh mà còn dám tự nhận là đệ tử của Như Lai sao? Các người phải biết rằng những ai ăn cá, thịt, dù tâm trí họ mở mang và thực chứng được định tâm thì cũng chỉ là ma qui to lớn mà sau kiếp này sẽ bị sinh tử luân hồi và không thể nào là môn đệ của Như Lai. Họ sẽ ăn thịt và giết nhau liên tục; làm sao họ có thể thoát khỏi vòng tam giới này được" [8].

Hơn nữa, trong kinh Lăng-già (Lankavatara sutra) có một chương đặc biệt thảo luận về vấn đề ăn cá, thịt. Đây là cuộc đàm thoại với vị Bồ-Tát tên là Mahamati. Một phần của cuộc đàm thoại được ghi lại như sau: "Này Mahamati, không đúng khi cho rằng thịt là thực phẩm thích hợp và được phép cho các Tỷ khuru khi thú không bị giết hại do chính người ấy, khi người ấy không ra lệnh giết, khi thực phẩm đó không dành riêng cho người ấy. Thêm nữa, này Mahamati, có thể có người u mê trong đời sau, bắt đầu công việc xuất gia theo giáo lý của

Như Lai, được xem như là đệ tử của ta, mặc áo cà sa như là một biểu hiện, tuy nhiên người đó trong tư duy bị ô nhiễm bởi những lý thuyết sai sót. Họ có thể nói về những điều khác biệt nhau mà họ lấy trong giới luật của họ, do bị si mê bởi quan niệm về linh hồn cá thể, do ảnh hưởng thêm khát hương vị thịt, họ đúc kết lại những phương pháp luận khác nhau để biện minh cho việc ăn cá, thịt. Và lại, chính họ bịa ra một giới luật mười điều học về thịt thú vật được tìm thấy đã chết rồi. Tuy nhiên, trong quyển kinh này với bất cứ hình thức ăn cá, thịt nào, mọi lúc, mọi nơi đều bị nghiêm cấm vô điều kiện và tuyệt đối không cho tất cả... Không có loại thịt nào được xem là thanh tịnh ở ba cách: không cố ý, không đòi hỏi, và không xúi giục, cho nên ngăn cấm ăn cá thịt. Tuyệt đối không ăn cá, thịt, dù ai có nói vấn đề tam tịnh nhục: thấy, nghe và nghĩ; những nhà lý luận sinh ra trong gia đình ăn cá thịt thì không hiểu điều này." [9]

Chống đối việc ăn cá, thịt và khuyên ăn chay được tìm thấy trong những bản kinh bằng tiếng Sanskrit khác, đó là quyển Hastokakshya, Mahamegha, Nirvana và Anglimalika. Tuy nhiên những bản kinh này không có phần nào tương đương trong Tam tạng Giáo điển được chấp thuận của Phật giáo Truyền thống (Theravāda).

Nơi đây, vấn đề được nghiên cứu là nguồn kinh điển nào đáng tin tưởng hơn? Nguồn kinh điển đó có được xem là nguyên thủy hay không? Phật giáo Nguyên thủy có loại bỏ một số đoạn kinh sách nào không? Hay đó là những điều Phật giáo Đại thừa thêm vào? Kinh và giới luật đó có thật sự được Đức Phật dạy và thiết lập hay không? Phật giáo Đại thừa và Phật giáo Nguyên thủy vẫn cho là quan niệm của các kinh văn của tông phái mình là nguyên thủy. Cần tìm hiểu vấn đề này thật sâu sắc hơn mà không thiên vị Theravāda hay Mahayāna. Phương pháp tìm hiểu chính xác nhất là nghiên cứu giá trị kinh và luật bằng chứng tích lịch sử.

Trong kinh Bồ-Tát giới (Bodhisattva sutra) do ngài Kumarajiva (Cưu-ma-la-thập) dịch, có năm mươi tám điều luật, được phân chia làm hai loại. Mười điều tội nặng (garukapatti), trong đó bốn điều giới luật đầu tiên thì tương đương với bốn điều giới bất cộng trụ (parajika) trong luật tạng Pāli. Tội nhẹ (lahukapatti) có bốn mươi tám điều, trong đó điều giới luật thứ ba đề cập đến ăn chay. Điều được phân tích thêm là giới luật thứ tám của phần tội nhẹ có viết: "Một Tỷ khuru mà nói xấu hay lên án Phật pháp Đại thừa (Mahayāna) thì vi phạm một tội nhẹ" [10].

Sự xuất hiện danh từ "Đại thừa" trong điều luật có vẻ hơi kỳ dị rõ rệt. "Trong việc nghiên cứu lịch sử về danh từ Đại thừa và Tiểu thừa (Mahayāna and Hinayāna) và Phật giáo gốc của Đại thừa", giảng viên Ryukan Kimura ở trường đại học Calcutta, khoa lịch sử và văn hóa cổ Ấn Độ, kết luận rằng danh từ Đại thừa không được biết đến trong cộng đồng của Phật giáo thời Đức Phật tổ Gotama còn sinh tiền. Theo Pāli tạng Nikāya [11] và Hán tạng Agama [12] là những tạng đáng tin tưởng nhất về tính chất nguyên thủy, không tìm thấy được danh từ Đại thừa.

Danh từ Đại thừa xuất hiện lần đầu sau đại hội kết tập kinh điển lần thứ hai, khoảng một trăm năm sau khi Thế Tôn Níp bàn, là hậu quả của sự chia rẽ trong Tăng già. Những người thuộc phái Đại chúng bộ tức giận và bị gọi là "Tỳ khuru xấu" và "đệ tử tà giáo" bởi những người theo phái Trưởng lão bộ, trung thành với giáo lý của Đức Phật Gotama. Chư vị tìm một danh từ mới cho phái của mình để duy trì và xiển dương ý kiến, quan niệm và chân lý của họ, cũng như chăm bẵm các bộ phái khác. Một số danh từ như Bồ Tát thừa (Bodhisattvayāna), Phật thừa (Buddhayāna), A la hán thừa (Arahatyāna), Thịnh văn thừa (Sravakayāna), Thiên thừa (Dviyāna) đã được họ áp dụng trong một thời gian tương đối ngắn. Nhưng dường như họ không thỏa mãn với những danh từ này bởi vì tất cả đều là chỉ tiết, duy nhất có thể chỉ ra những sự khác nhau trong những khía cạnh nào đó. Họ cần một danh từ mà sẽ tích hợp, đại diện và bao trùm những ý kiến, quan niệm và giáo điều khác như một đoàn thể. Cuối cùng họ mới chọn danh từ Đại thừa (Mahayāna), cỗ xe lớn, dành cho phái của họ và danh từ Tiểu thừa (Hinayāna), cỗ xe nhỏ, dành cho những tông phái khác.

Từ thời điểm đó cho đến thời luận sư Long Thọ (Nagarjuna), thế kỷ thứ hai sau công nguyên, danh từ Đại thừa và Tiểu thừa chỉ được sử dụng để ám chỉ những sự khác nhau về giáo lý cơ bản - như được dùng trong kinh Diệu pháp liên hoa (Saddharmapundarika sutra). Thời điểm Long Thọ trở về sau, danh từ này chịu một sự thay đổi có ý nghĩa, nó không những đề cập đến sự khác nhau về giáo lý căn bản, mà còn nói đến sự khác nhau về trường phái - như được viết trong kinh Bát nhã ba la mật đa (Prajnaparamita sutra). Không những phái Trường lão bộ (Theravada) và Nhất thiết hữu bộ (Sarvastivada) được xếp loại là Tiểu thừa mà còn phái Đại chúng bộ (Mahasanghika), tiền thân của phái Đại thừa, cũng bị cho là Tiểu thừa nữa.

Từ những sự phân tích trên, rõ ràng rằng danh từ Đại thừa thật sự không được biết đến trong cộng đồng Phật giáo cho đến sau này. Trở lại bài viết này với câu hỏi: Vì sao danh từ Đại thừa mới có, lại xuất hiện trong một điều luật của kinh Bồ Tát giới? Chắc chắn là người ta không thể trả lời, nhưng người ta kết luận rằng, danh từ này mới thêm vào.

Điểm kế tiếp để xem xét là: khi nào họ không cảm thấy "có tội" gì về việc gán danh từ Đại thừa và dọa nạt những ai hạ thấp và chống đối lại giáo lý của họ, họ có cảm thấy "có tội" về việc gài một giới luật mới là việc ăn chay vào trong kinh Bồ Tát giới và lạm dụng danh nghĩa của Đức Phật như một người cầm chế điều luật đó? Về danh xưng Bồ Tát giới trong quyển sách này thì không phù hợp cho lắm. Tất cả các giới được đặt ra ở đó, là những giáo điều dành cho các thầy Tỳ khuru. Trong trường hợp này, người biên soạn quyển Bồ Tát giới có thể được xem là đẹp qua một bên sự kiện là chư Bồ Tát không luôn luôn sinh ra làm người, nhưng có thể sinh ra làm các loài khác như súc sinh. Nếu như giới luật trong kinh Bồ Tát giới được áp dụng cho chư vị Bồ Tát sinh ra trong bất kỳ thế giới nào, thì sự thực hành sẽ chắc chắn đi thường và buồn cười lắm. Mà nếu cho Bồ Tát giới là giáo điều áp dụng đặc biệt cho một vị Bồ Tát chào đời như là một Tỳ khuru, thì việc sử dụng thuật ngữ "Bồ Tát" của quyển kinh này có thể được xem là không chuẩn lắm.

Chư vị Tỳ khuru thời của Đức Phật và cả chính Ngài nữa, có dùng cá thịt hay không, điều đó rất dễ để chứng minh bằng sự kiện lịch sử. Trong quyển luật tạng Pratimoksa sutra bằng tiếng Sanskrit của phái Đại chúng bộ (Mahasanghika), tiền thân của phái Đại thừa (Mahayana), tư tưởng Phật giáo, trong giới luật thứ ba mươi chín của Paccattika [13] có một điều luật sau: "Tỳ khuru nào không bệnh mà hỏi xin hay thọ lãnh thực phẩm, được cho là ngon, để mình ăn, thì phạm tội ác". Những thứ thực phẩm được xem ngon (pranitasammatanibho janani) như là sữa, bơ, dầu, mật ong, mật mía, cá và thịt [14]. Một cách chính xác, điều luật này hàm ý là một Tỳ khuru bị bệnh có thể hỏi xin cá hay thịt, còn một Tỳ khuru không bệnh cũng có thể dùng cá và thịt, miễn là Tỳ khuru đó không tự mình hỏi xin. Như vậy, tin chắc rằng thịt và cá là thực phẩm được phép dùng và phổ thông cho các Tỳ khuru trong thời của Đức Phật [15].

Một nhà nghiên cứu Phật giáo nổi tiếng người Nhật, Daisetz Teitaro Suzuki, đã nói đến trong lời giới thiệu bản dịch của kinh Lăng-già (Lankavatara sutra) và cũng nói đến trong quyển sách chú giải của ông ta "Nghiên cứu kinh Lăng già" rằng chương thứ tám của quyển kinh, "Về việc ăn cá thịt", là được cho thêm vào sau này, giống như chương đầu, kể lại cuộc đàm thoại với Ravana - một nhà vua trong thần thoại Ấn Độ giáo. Chắc chắn chương thứ tám này đã được thêm vào trong quyển kinh. Chương này cũng đã được sửa đổi nhiều lần. Việc ăn cá thịt chắc chắn đã được thừa nhận trong tín đồ Phật tử thời kinh Lăng-già đã được biên soạn. Rõ ràng Đức Phật không cấm họ ăn cá thịt, nếu như con vật đó không do chính họ giết. Điều này gây ra những lời phê bình không hay của các tôn giáo khác. Do đó giới Phật giáo bị bất mãn với lời phê bình này, điều đó dẫn đến một sự nỗ lực mới là cấm ăn cá thịt trong phái Đại thừa. Hơn nữa, kinh Lăng-già, là tập hợp những điều được nói lại với nhau một cách không có phương pháp, và không phải là lời thuyết giảng trực tiếp của Đức Phật, mà được biên soạn ra sau khi Đức Thế Tôn viên tịch.

Dựa trên những kết quả nghiên cứu của ngài D.T. Suzuki - như đã kết luận ở trên, tạp chí Pancaran Dhamma Matrodevi, Indonesia, viết: "Nếu quyển kinh nào thuộc Tam tạng Kinh

điền, thì quyền đó đúng là lời thuyết giảng của Đức Phật, như quyển kinh Lăng-già". Đây là câu nói thiếu tế nhị, không dựa trên sự kiện lịch sử, mà chỉ là đức tin mù quáng và là sự nỗ lực ngây ngô để thống nhất Phật giáo. Trong quyển Dipavamsa nói thẳng rằng các tu sĩ lạc hướng của phái Vajjiputtaka, những người thành lập giáo phái Đại thừa, họ không hiểu đúng ý nghĩa của giáo pháp thuần túy của Đức Phật, đã tự ý lược bớt một phần khá quan trọng trong kinh và luật và biên soạn kinh và luật mới (giả). Điều đó cho thấy rằng Phật tử Indonesia ngày nay không tuân hành theo lời dạy của Tỳ khuru Narada: "Đừng có tin tưởng rằng một quyển kinh bắt đầu bằng một câu giả tạo 'Như vậy tôi nghe, một thời Đức Phật ngụ ở thành Xá Vệ (Sravasti)...'. Đây là những lời thuyết giảng của Ngài. Đối với một số tôn giáo, viết một cụm từ như vậy cũng dễ như viết tiểu thuyết, và gài những quyển kinh mới vào trong Tam tạng dễ như đặt một quyển sách mới vào trong kệ sách thư viện vậy".

[\[Đầu trang\]](#)

4. Ăn chay và sự thanh tịnh

Thực hành việc ăn chay thường được cho là một yếu tố để có được sự thanh tịnh. Người xa lánh việc ăn cá, thịt được xem như là người thánh thiện. Sự thanh tịnh có thể đạt được dễ dàng không? Chắc chắn là không! Sự thanh tịnh tùy thuộc vào tâm của con người, chứ không tùy thuộc điều gì bên ngoài. Sự thanh tịnh của một người có thể được đánh giá bằng "sự hạn chế và đoạn trừ lòng ham muốn thực phẩm", chứ không quan niệm từ thực phẩm mà người đó ăn.

Trong kinh Amagandha sutta thuộc Tiểu bộ kinh (Khuddaka Nikaya) có ghi rằng: "Không phải là không ăn cá thịt, hoặc các hình thức bề ngoài, hay nghi lễ, mà làm thanh tịnh một người, không thành kính tin tưởng nơi giáo lý". Điều này căn cứ trên lời dạy của Đức Phật Kassapa cho Tỳ khuru Tissa. Nếu chỉ vì ăn thực vật, rau trái mà được xem là thanh tịnh, thì dê, ngựa, bò cũng thanh tịnh từ lúc mới chào đời!

Một lời nói có ý nghĩa tương đương được Đức Phật tổ Gotama nói cho dân chúng thành Jambudvīpa vì họ tin tưởng rằng tắm ở những con sông (như sông Hằng) sẽ làm cho con người rửa sạch lòng tham muốn, tội lỗi và đau khổ. Ngài dạy: "Nếu nước dòng sông có thể rửa sạch lòng ham muốn, tội lỗi và khổ đau, thì tin chắc rằng tất cả loài rùa, cá, tôm, cua sống trong dòng sông được coi là linh thiêng, đã được đoạn trừ tham muốn, tội lỗi và đau khổ từ lâu lắm rồi".

[\[Đầu trang\]](#)

5. Thịt cá nấu chín có còn sự sống không?

Hiện tại, nếu có người nào hỏi điều khác nhau cơ bản giữa tu sĩ Nguyên thủy và tu sĩ Đại thừa là ở chỗ nào, người ta sẽ trả lời ngay: là tu sĩ Đại Thừa không ăn cá thịt, còn các tu sĩ Nguyên Thủy tự do ăn bất cứ món gì mà các vị muốn. Câu trả lời này chắc chắn là sai lầm và không có căn cứ. Nói như vậy chẳng khác nào tu sĩ Nguyên thủy là người sát sinh thú vật.

Trong kinh Quán tưởng thực phẩm (Catuppaccaya paccavekkhana patha) [16] dạy năm điều luật mà bậc xuất gia cần phải biết đến về thực phẩm cúng dường. Trước khi thọ lãnh, bậc xuất gia phải biết thực phẩm cúng dường chỉ là vật chất (dhatuso), ghê tởm (patikkulato), giả tạo (nissato), không có sự sống (nijjivo), và là hư vô (sunno). Trong khi ăn và sau khi ăn bậc xuất gia phải quán năm điều này.

Đối với tu sĩ Nguyên thủy, không có sự khác nhau giữa cá thịt và rau trái. Hai loại thực phẩm này có cùng chức năng, là để nuôi mạng sống, góp phần làm cho đời sống thanh cao, duy trì sức khỏe tốt, làm hết cơn đói, dừng cơn đau đớn, và làm cho đời sống nhẹ nhàng hơn. Thực phẩm không nên dùng để vui thích, mê hoặc, làm cho thân mập mạp và đẹp đẽ.

Cá thịt nấu chín là loại thực phẩm được Đức Phật tổ Gotama cho phép các tu sĩ thọ dụng. Lý do là cá thịt nấu chín không còn sinh vật sống nữa. Ngay khi thú vật chết, tâm thức này sự sống tâm linh không sinh khởi và hiện hữu trong nó. Chỉ có người nào cố chấp vào bản ngã vĩnh hằng mới có thể phân biệt được cá và thịt nấu chín với con thú còn sống. Người không có ý niệm minh bạch về thân tâm, và không thể nào thực thi được sự trong sạch cho mình.

Nên giải thích thêm ở đây là trong Phật giáo không có tin tưởng rằng thịt thú vật đã chết có chứa đựng những sự rung cảm huyền ảo mà sẽ làm cho người ăn thịt trở nên mắc các chứng bệnh thần kinh, ưu phiền và lo âu. Đây là niềm tin sai lầm dựa trên các tôn giáo cổ xưa ở Ấn Độ [17]. Sự giận hờn (patigha) hay sân hận (dosa) là một trong năm mươi hai tâm sở (cetasika) không thể nào phát sinh trong những sinh vật chết. Mà cũng không có tâm sở nào tồn tại, độc lập, không thể nào đi quanh quẩn hay thể vào bất cứ hình thể vật chất nào.

[\[Đầu trang\]](#)

6. Tâm Từ là nền tảng của sự ăn chay

Hầu hết những người ăn chay trong Phật giáo đều nói rằng họ không ăn cá thịt là để huân tập tâm Từ bi (metta-karuna). Lời phát biểu này phải được nghiên cứu lại dựa trên giáo lý thuần túy của Đức Phật. Nhiều kinh sách về Vi diệu pháp (Abhidhamma) [18] định nghĩa tâm Từ bi như sau: "Có tình thương với chúng sinh đang khổ và sẽ khổ đau". Vì cá thịt đã nấu chín rồi thì không được xem là thú sống nên không một ai có tâm từ bi trên món cá thịt đó. Cũng như không thể có tâm Từ bi cho cây, cỏ, bần, ghế và những thứ không phải là sinh vật sống khác. Nên biết thêm nữa là, tâm Từ bi không thể nào tu tập trọng cõi trời vô sắc (arupa - bhumi) được, vì cõi trời đó không có hình thể của chúng sinh bằng thân tứ đại.

Thấy chúng sinh đang đau khổ và sẽ khổ là một nguyên nhân trực tiếp của tâm từ bi (dukkhabhībhutanam anathabha-vadassana padatthana). Như vậy, sự hiện diện của "chúng sinh" như là đối tượng, là điều kiện chính cho sự phát triển tâm từ bi. Cũng nên hiểu rằng việc biểu lộ tâm từ bi thường được đi kèm theo với ý muốn, lòng mong mỏi và sự nỗ lực để cứu vớt một sinh linh thoát khỏi đau khổ (dukkhapanayana-karapavattillakkhana). Trong trường hợp này, không ai có thể cứu khổ cho sinh linh đã chết bằng cách không ăn nó. Dù có ăn thịt hay không, thú vật đã chết rồi thì sẽ không sống lại được.

Mục đích cơ bản của tất cả giáo pháp Đức Phật là cứu vớt chính mình và những sinh linh khác. Sự đau khổ đang hiện có hay sẽ có trong tương lai; chứ không cứu vớt sự đau khổ đã qua; vì đau khổ đã qua thì không thể nào sửa lại được.

Lúc còn là Bồ Tát (Bodhisatta), Đức Phật tổ Gotama sinh làm con cò. Một hôm, cò thấy một con cá đang nổi trên mặt nước. Vì tưởng cá đã chết, cò mổ nó. Khi thấy cá quẫy đuôi, cò thả cá ra ngay. Bởi vì cò chỉ ăn cá đã chết. Khi Bồ Tát sinh làm cò, cò và những thú vật ăn thịt khác; ngài có thể tự chịu đựng chỉ ăn rau trái hay sao? Ăn cá chết không có nghĩa là Bồ Tát không có tâm từ bi.

Trong "Từ điển tôn giáo so sánh" của Tiến sĩ Trevor O.Ling, mục "Thực phẩm", ông có viết: "...Trong hàng tín đồ của Phật giáo, giết sinh linh là một việc làm tội lỗi được nhấn mạnh (vì nó là chúng sinh có cảm xúc), còn việc ăn sinh linh chết thì không có tội. Nghiệp bất thiện đến với người giết chứ không đến với người ăn, khác với quan niệm của Ấn Độ giáo, họ quan niệm việc ăn cá thịt cũng có nghiệp quả xấu". Có sự khác nhau giữa sự giết thú sống và ăn thịt. Như vậy, tâm Từ bi thật sự không có liên quan gì đến việc ăn chay hay ăn mặn.

[\[Đầu trang\]](#)

7. Trách nhiệm pháp lý gián tiếp

Trong "Golden Drum" - một tạp chí đã phát ngôn cho phái Đại thừa ở phương Tây đang bảo chữa cho việc ăn chay, tạp chí số 14, tác giả Sagaramati viết trong tựa đề "Những người con Phật có ăn thịt, cá không?": "--Đề nói rằng việc ăn thịt không có liên quan đạo đức gì với hành động giết hại hung bạo và kinh khủng do nó cảm thấy, thì đây là sự vô tình, vô cảm, là điều phi lý. Mặc dù không tự tay mình giết hay nhờ kẻ khác giết, thì người ấy cũng không thoát khỏi hậu quả cho việc giết hại. Kẻ giết thú vật không riêng cho mình mà cho chợ búa tiêu thụ. Nếu không có người ăn thịt, thì sẽ không có điểm giết thú ngoại trừ việc giết đó phục vụ cho chính người giết. Do đó nếu một ai quyết định ăn thịt, thì người ấy cũng quyết định trở thành những người tiêu thụ của thị trường. Và nếu một ai trở thành một phần tử của thị trường, người ấy có liên hệ với nhu cầu mà người giết đáp ứng. Có một sự liên hệ rất rõ giữa người ăn thịt và hành động giết hại, giữa lòng ham muốn vị thịt và sự đau đớn thật sự của thú bị giết".

Cùng một cách nói, John Blofeld - tác giả nổi tiếng các kinh sách Đại thừa - viết trong lời tựa của quyển "Luật Đại thừa" (Mahayana vinaya) do Tỳ khuru Yen Kiat biên soạn: "Trong thời điểm hiện đại, đặc biệt thú vật ít khi được giết cho những cá nhân; nhưng rõ ràng rằng, tất cả chúng ta thật sự có trách nhiệm cho cái chết của chúng, vì những người đồ tể chỉ đáp ứng thịt theo thị hiếu của chúng ta. Như vậy, trong điều kiện hiện nay, hình như không hợp lý tí nào cho các tu sĩ nói là họ có thể ăn thịt vì họ không biết việc thú vật bị giết".

Thoảng qua, lời viết hình như có lý và hợp thời. Tuy nhiên, nếu lối lý luận như vậy được áp dụng đúng mức, thì những người ăn chay sẽ không thoát khỏi hậu quả và sự liên hệ của việc sát hại. Đối với lúc này, họ có thể "rao giảng" về việc phát huy tâm từ và tâm bi, bởi vì họ chưa bao giờ thấy tận mắt tiến trình trồng, cấy và thu hoạch rau trái và những sản phẩm nông nghiệp khác. Nếu những nông sản nói được, có lẽ chúng sẽ nói về sự đau đớn của loài giun đất, và những loại côn trùng khác mà thân thể của chúng bị đứt nát do bởi cuốc và thuổng; về tiếng kêu rên của chuột đồng bị đứt đầu vì cày và xới, về tiếng than thở của côn trùng chịu đựng thuốc độc DDT; và nhiều điều cảm kích và đau xót khác! Chắc chắn, thiên nhiên không sẵn sàng làm cho các sản phẩm nông nghiệp biết làm chứng hoặc có thể nói và đòi quyền công bằng đối với những kẻ ăn chay. Những tiếng kêu rên, than thở đó vẫn còn bị coi là những tiếng kêu vô vọng trong cánh đồng hoang dã. Điều này nên hỏi lại, phải chăng chỉ có thú vật mới thừa hưởng lòng từ bi, bác ái; còn sự sống của giun đất, côn trùng, chuột đồng thì bị thờ quên lãng hay sao? Nếu người ăn chay nghĩ: "Thú vật sẽ hạnh phúc vô cùng nếu trên đời này không có người ăn mặn", thì cũng sẽ công bằng, nếu người ăn mặn nghĩ: "Bò sát, chuột và côn trùng sẽ sung sướng vô cùng nếu trên đời này không có người ăn chay (thực vật)". Chắc chúng sẽ mở tiệc liên hoan trên cánh đồng lúa!

[Đầu trang]

8. Ăn chay có thể thay đổi tánh nết không?

Có một số người nói rằng ăn chay có thể thay đổi tâm tánh con người. Đây là ý tưởng cho rằng loài thú ăn thịt, độc ác, hung dữ hơn loài thú ăn cây cỏ. Như vậy, câu hỏi được đặt ra là: Lối sống của loài thú đem so sánh với lối sống của loài người có hoàn toàn khác nhau không? Trong thực tế không thể so sánh được vì nhiều người ăn thịt mà tánh lại lương thiện, khiêm cung, lịch sự thành kính và ái mộ tôn giáo.

Geoffrey Bell là nhân viên của hội y tế thế giới và tổ chức lương nông, thừa nhận một cách thành thật: "Một người Eskimo có lẽ mãi mãi là người ăn thịt, có thể là Phật tử tốt hơn tôi, mặc dù tôi ăn chay!"

Mọi người ai cũng hiểu Adolph Hitler, nhân vật sáng lập Đảng Quốc Xã Đức, là con người tuyệt đối ăn chay [19], nhưng với lối sống như vậy, Hitler phải chịu trách nhiệm và hậu quả cho cuộc tàn sát lớn nhất thế giới. Một câu hỏi được đặt ra: Thú vật cần lòng từ bi hơn con người không?

Từ ví dụ trên, có thể kết luận rằng: Khi đánh giá lòng từ bi và bác ái; hay sự hung dữ, độc ác của một người mà chỉ dựa trên những gì người ấy ăn là sự đánh giá thiếu thận trọng. Từ sự liên quan trên, ông Jim Brower nói: "Nếu sự thật việc ăn thịt mang lại cho con người sự hung dữ, thì người Eskimo chắc chắn là người có tiếng tăm độc ác và Ấn Độ có nhiều người ăn chay chắc chắn sẽ là quốc gia bình yên nhất thế giới!". Không hẳn là vậy! Nếu nói việc ăn chay có thể thay đổi tánh tình một con người thì đó là một lời nói phiến diện, không căn cứ, không minh chứng.

[\[Đầu trang\]](#)

9. Ăn chay có thể làm giảm mức sát hại không?

Nhiều người đã nói rằng người ăn chay cảm thấy đau buồn khi họ trông thấy, lắng nghe, hay tưởng tượng việc giết thú để dùng làm thực phẩm. Cảm giác buồn đau này sẽ thôi thúc họ kiên quyết không ngừng việc thực hành ăn chay. Lời nói này có thật sự đúng hay không? Vấn đề này vẫn còn tranh luận.

Thật sự nếu người ăn chay cảm thấy đau buồn, khi nghĩ đến chúng sinh bị giết, thì ít nhất họ cũng ngại ngừng khi sử dụng những bộ phận thân thể thú cho những mục đích khác. Nói một cách khác, khi người ta đã quyết định tránh xa bất kỳ thực phẩm nào làm bằng cá thịt, thì những người đó cũng nên quyết định tránh xa bất kỳ thực phẩm nào khác được làm từ thú vật! Tuy nhiên điều đó dường như không phải vậy. Dễ dàng tìm thấy một cái trống (làm bằng da thú), những ngọn nến (có mỡ thú vật) [20] trong những tu viện Đại thừa và không khó tìm thấy những tu sĩ Đại thừa ăn chay mà dùng mật ong (được ép ra từ tổ ong mà trứng và ấu trùng của nó phải chết đi) [21], các vị cũng mặc áo lụa (làm bằng tơ tằm có thể lấy được bằng cách hơ nóng hay luộc kén) và rất dễ dàng tìm thấy người ăn chay sử dụng thất lung, giày bằng da [22], và những đồ dùng khác được làm bằng thú vật. Người ăn chay kiên quyết cũng nên tránh sử dụng thuốc vì việc nghiên cứu tạo ra thuốc làm nguy hại hoặc giết hại mạng sống của những con thú được thực hiện cho việc làm thí nghiệm.

Nếu cho rằng người ăn mặn (cá thịt) có thể làm gia tăng mức sát hại, thì cũng cần nên nghi vấn lại rằng: sử dụng những đồ dùng nói trên không có cùng những nghiệp lực sao? Giả sử tại thời điểm này, những người Phật tử ăn chay ủy nhiệm cho đức Đạt Lại Lạt Ma thứ 14 (Tenzin Gyatso) công năng ưu việt, điều đó có nghĩa là "không hề sai trái" tương tự như Đức Giáo Hoàng của Công giáo, lúc đó ngài có thể tuyên bố về đạo đức, học thuyết ý niệm, và bắt cứ những gì liên hệ đến chân lý mà ngài muốn đề cập. Một lối tự do và an toàn, ngài có thể quả quyết: "vì một số lý do thích đáng mà không nên đề cập ở đây, tôi thông báo rằng chỉ ăn mặn mới làm tăng mức sát sinh, còn sử dụng các vật dụng thú vật khác thì không, và các vật dụng đó được cho phép sử dụng nữa!"

Thế nhưng, giả sử ngài có năng lực ưu việt đó, Đức Đạt Lại Lạt Ma sẽ tư duy nhiều lần trước khi phán như vậy. Lý do đơn giản là ngài không thường ăn chay! Ngài kiêng cử ăn tôm bởi vì ngài bị dị ứng [23]. Việc đề xuất ăn chay ở khắp mọi nơi nhằm làm giảm bớt mức sát sinh hại vật chỉ là một "phương án chưa hoàn hảo". Sự thật chỉ là một ảo tưởng.

[\[Đầu trang\]](#)

10. Chủ nghĩa ăn chay và thịt nhân tạo

Việc tinh tiến trong sự thực hành và quảng cáo lối sống của họ, đa số những người ăn chay hết sức cố gắng tạo một loại thực phẩm mới lạ mà chưa từng có trước đây, đó là "thịt nhân tạo". Thịt nhân tạo này được làm bằng bột mì và nhiều loại gia vị khác, mùi vị hơi giống thịt tự nhiên - thậm chí việc nấu nướng thịt nhân tạo còn khó hơn việc nấu nướng thịt bình thường.

Mặc dù phương pháp làm rất tốn công và đắt tiền, ý niệm về sản phẩm thịt nhân tạo rất hấp dẫn và lôi cuốn nhiều người ăn chay hoặc không ăn chay. Những nhà hàng phục vụ những món ăn này bỗng nhiên xuất hiện nhiều trong những thành phố lớn trên thế giới. Thậm chí những tạp chí Phật giáo ở Indonesia đã nhanh chóng đăng những công thức dạy nấu ăn với thực phẩm đồ chay, như gà rang đậu, thịt heo quay.

Nhiều câu hỏi được đặt ra cho người ăn chay là thích thú và ăn ngon miệng đối với thịt nhân tạo không? Quan niệm và thực hành về việc sản xuất thịt nhân tạo có liên hệ với tôn giáo ra sao? Nếu thực phẩm ăn là thịt nhân tạo, thì sự trong sạch đạt được cũng không phải sự trong sạch nhân tạo sao? Có phải thực tập như thế chẳng khác nào tẩy một vết dơ tâm trí bằng phương tiện tạo nên một vết dơ tâm trí khác có đáng kinh tởm hơn không? Như vậy điều này có phải là đạo đức cực kỳ giả hay không nhỉ?

Dựa trên sự tính toán đã đo lường được, khẩu vị của người ăn chay chắc chắn không kém hơn khẩu vị của người ăn mặn. Lòng ham muốn và phiền não thì không bao giờ tránh được. Thật sự một người ăn chay một thời gian lâu dài có thể đoạn trừ hay quên lãng lòng ham muốn thực phẩm mặn. Tuy nhiên, điều đó không bảo đảm là lòng tham muốn đó sẽ không thay đổi vật thể của nó cho loại thực phẩm khác, thực phẩm chay - ý thức rằng ham muốn thực vật, rau, trái và những sản phẩm nông nghiệp khác là điều tốt đẹp. Như thế lòng ham muốn thật sự không thể đoạn trừ được chỉ bằng sự thay thế hay di chuyển vật thể. Mà lòng ham muốn chỉ có thể đoạn trừ bằng cách tiêu diệt cội nguồn của nó.

[\[Đầu trang\]](#)

[1](#) | [2](#) | [3](#) | [Giới thiệu](#) | [Đầu trang](#)

updated: 04-04-2002

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

Vấn đề ẩm thực trong đạo Phật

Tỳ kheo Thiện Minh dịch Việt

Nguyên tác: Sanjivaputta. "Are you herbivore or carnivore?". England, 1992

[Phần II]

-oOo-

11. Bữa cơm cuối cùng của Đức Phật Tô Gotama: Nấm hay thịt lợn?

Danh từ "Sukara-Maddava" xuất hiện mười hai lần trong toàn bộ Tam tạng Kinh điển tiếng Pàli [24]. Từ này được gặp sáu lần trong kinh Đại Bát Níp-bàn (Mahaparinibbana sutta) thuộc tạng kinh Trường bộ (Dīgha Nikāya) và sáu lần nữa trong kinh Cunda (Cunda sutta) thuộc kinh tạng Tiểu bộ (Khuddaka Nikāya). Hai kinh văn này đề cập cùng một sự kiện là gia chủ Cunda, một thợ vàng giàu sang mời và cúng dường Đức Phật Tô Gotama món sukara-maddava. Thực phẩm này là bữa ăn cuối cùng của Đức Phật trước khi ngài nhập vô dư Níp-bàn (Mahaparinibbana).

Gần đây, có người đã dịch danh từ sukara-madava thành "một loại nấm mà lợn thích ăn" hay "một loại nấm mọc dưới đất bị lợn dẫm chân" hay "một loại nấm mọc ở nơi mà heo ở" [25]. Không biết chính xác ai là người đầu tiên đã dịch danh từ này như thế, nhưng tin chắc là bản dịch này sẽ được những người ăn chay hoàn toàn ủng hộ [26]. Từ rất lâu họ đã thể hiện nhiều phương pháp khác nhau để chứng minh Đức Phật ăn chay. Bản dịch này nên thẩm xét lại kỹ hơn.

Trong quyển kinh chú giải Trường bộ (Sumaigalavilasini) của trưởng lão Buddhaghosa [27] viết rằng những gì được gọi là sukara-maddava là "thịt lợn loại cao cấp, trong lứa vừa phải - không quá già mà cũng không quá non - mềm và được phục vụ ngoài thị thành cho mọi người tiêu dùng (pavattamamsa)". Trưởng lão Dhammapala, tác giả quyển chú giải Paramatthadīpani thuộc Tiểu bộ kinh, có cùng quan niệm như vậy [28]. Ngoài ra trưởng lão Buddhadatta viết quyển Mathurathavilasini - chú giải bộ Buddhavamsa (Phật sử) thuộc Tiểu bộ - cũng tuyên bố rằng một trong ba mươi điềm tương đồng của chư vị Chánh Đẳng Chánh Giác (sammāsambuddhas) là: bữa ăn cuối cùng của ngài trước khi Níp-bàn là "thịt thú vật" (parinibbānadivasemaṃ sarasa-bhojanau). Trong Tam tạng Thái Lan và Miến Điện (đã dịch sang tiếng Anh) thì danh từ sukara-maddava được dịch là "thịt heo mềm" [29].

Nếu nguồn gốc của từ ngữ đã được thẩm định, thì giá trị của bản dịch không nên nghi ngờ nữa. Thuật ngữ sukara-maddava được phân chia làm hai từ: "sukara" và "maddava". Trong từ điển Pàli được biên soạn do Robert Caesar Childers, và trong quyển thuật ngữ Pàli do Dines Anderson biên soạn, cũng như trong quyển Pàli-Anh, do trưởng lão Buddhadatta biên soạn thì danh từ sukara được dịch là "lợn" mà tính từ maddava được dịch là "mềm". Như vậy căn cứ vào nguồn gốc của từ ngữ, thuật ngữ sukara-maddava thật sự không có liên hệ gì đến bất kỳ loài "nấm" nào cả.

Cũng nên biết rằng, gia chủ Cunda là một Phật tử [30]. Ông biết Đức Phật Gotama sức khỏe bị suy yếu. Ông cố ý nấu món sukara-maddava này, với lòng mong muốn là món ăn này sẽ gia tăng sức khỏe cho ngài. Cunda lẽ nào dám liều cúng dường bậc đạo sư một món nếm, mà đã biết rằng là "có thể" nguy hại [31], và theo như các nhà dinh dưỡng học, có thể gây sự yếu ớt, nhiều độc tố và lẫn cái chết nữa. Và lại, nếm là thực phẩm có rất ít chất dinh dưỡng để sử dụng cho việc tăng lực [32]. Nói một cách khác, nếm không có nhiều chất dinh dưỡng bằng bắp cải, cho nên rất đại kỵ mới nghĩ rằng nó sẽ làm gia tăng sức khỏe. Cũng nên biết rằng, cái chết của Đức Phật thật sự không phải chết vì dùng sukara, thịt lợn (sukara-maddava), do gia chủ Cunda cúng dường - như nhiều người lầm tưởng - mà vì cơ thể của ngài đã cạn kiệt và vì cuộc đời của Thế Tôn đến lúc phải ra đi. Ba tháng trước, ngài đã quyết định nhập diệt vào ngày trăng tròn tháng tư âm lịch (vesakha). Sự việc này như đã được ghi lại trong kinh Đại Níp bàn (Mahāparinibbāna) và kinh Cunda, Đức Phật Gotama không bao giờ nói rằng thịt lợn (sukara-maddava) do gia chủ Cunda cúng có độc tố [33]. Ngài chỉ nói là trong thế giới này không có ai dù là Bà la môn, đạo sĩ, trời, ma vương hay Phạm thiên nào có thể tiêu hóa (jirapeti) thực phẩm đó, ngoại trừ Như Lai. Ngài Nagasena và Buddhaghosa đã chú giải là khi thịt lợn (sukara-maddava) được nấu, có nhiều vị chur thiên thêm gia vị cực bỏ vào, lý do là các vị nghĩ rằng đây là bữa cơm cuối cùng của Đức Phật Gotama. Nhận biết được điều này, Đức Phật gọi gia chủ Cunda dùng có cúng dường món thịt lợn chứa gia vị cực bỏ này cho chư Tỷ khuru tháp tùng theo ngài, bởi vì nó có lẽ "quá liều" đối với chư vị mà chỉ có đức Như Lai mới có thể thọ dụng được. Như vậy việc dịch thuật ngữ sukara-maddava thành nếm và đoán chừng rằng cái chết của Đức Phật là do độc tố của nếm thì thật sự không đúng.

Điều này thực sự không quan trọng và người Phật tử không nên sử dụng vấn đề này để tranh luận. Cho dù "sukara-maddava" có thật sự là nếm hay không, thì không thể nào sử dụng thuật ngữ trên để làm cứ điểm cho việc biện hộ ăn chay. Loại thực phẩm mà Đức Phật dùng không thể dựa vào bữa ăn cuối cùng của Đức Thế Tôn. Nhiều nguồn kinh điển Tam tạng quả quyết cho là Đức Phật đã có thái độ của ngài về việc ăn chay, và ngài đã áp dụng ăn chay cho chư vị đệ tử.

[\[Đầu trang\]](#)

12. Một vị Bồ-tát phải thực hành việc ăn chay không?

Một số người nói rằng, ý tưởng hình thành việc ăn chay là do Bồ Tát Sĩ Đạt Đa khổ hạnh sáu năm ở chôn rừng già Uruvela, bởi vì lúc đó ngài chỉ dùng trái cây thối, không ăn cá hay thịt. Thật sự đây là một sự lầm lẫn - nếu không muốn nói đây là chuyện bịa đặt. Ngài khổ hạnh chỉ vì hành động bất thiện của Ngài trong kiếp quá khứ, đó là Ngài nhục mạ Đức Phật Ca Diếp (Kassapa). Như vậy thực sự khổ hạnh không có hàm ý là Bồ Tát luyện tập tâm bác ái. Việc ăn chay không phải là một trong những hạnh tu pháp độ (paramita) do chư vị Bồ Tát tu tập. Và lại, những pháp độ của ngài phải hoàn thành trước khi Bồ Tát tái sinh lên cõi trời Đâu suất (Tusita) nơi mà Bồ Tát đợi lúc thích hợp để giáng trần.

[\[Đầu trang\]](#)

13. Việc thực hành ăn chay do các tu sĩ

Đức Phật Gotama không bao giờ yêu cầu hay cấm các tu sĩ ăn chay. Nếu tu sĩ nào cảm thấy hoan hỷ, chấp thuận và thoải mái trong việc ăn chay, thì tự do mà ăn. Tuy nhiên việc ăn chay không nên tu tập chỉ vì các giáo điều khác nhau do chính Đức Phật cấm chế và cũng không nên tu tập một cách mù quáng và mê tín, vì việc ăn chay không có cơ sở trên mặt giáo lý. Giới luật cấm các tu sĩ hỏi xin bát cứ thực phẩm nào từ thí chủ - ngoại trừ bị bệnh - một thầy Tỷ khuru ăn chay không được chỉ dẫn cho thí chủ chuẩn bị thực phẩm đặc biệt mà không có dung chứa cá hoặc thịt. Vị ấy phải thọ nhận bất cứ lễ phẩm cúng dường nào của đàn-na dâng cúng. Nếu không, vị ấy không phải là Tỷ khuru đệ cúng dường (subhara).

Sự khó khăn trong việc tìm kiếm thực phẩm chay không phải là vấn đề cho sự vi phạm của bất cứ luật lệ chính nào khác. Vị Tỳ khuru nên hiểu và ý thức rằng luật nào là căn bản, và luật nào là kém quan trọng; luật nào phải ưu tiên gìn giữ và luật nào chỉ phụ thuộc thôi.

Lại nữa, thầy Tỳ khuru không nên khoe khoang với người khác hoặc đại chúng là mình không ăn cá, thịt. Vị ấy phải biết an lạc cho chính mình. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, mục đích chính của các giới luật là tu tập, kiểm điểm chính mình, không có cống cao ngã mạn, khoe khoang hay ích kỷ. Nói khác hơn, ăn chay phải được tu tập không vì đó mà xem thường, lỗi phải hay nhạo báng những Tỳ khuru không ăn chay [34], hay vì mục tiêu nào khác không phù hợp pháp luật - như Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) đã làm, ông là một trong những người ăn chay đầu tiên. Nếu không, vị Tỳ khuru ăn chay sẽ không làm giảm bớt, mà trái lại còn tăng thêm phiền não cho mình.

Và lại, vị Tỳ khuru ăn chay phải ý thức rằng ăn chay chỉ là việc thực tập và không nên tuân theo một cách mù quáng. Nếu như coi thường điểm chính yếu này, vị ấy sẽ không thể đạt được sự thanh tịnh hay giác ngộ. Thậm chí đạo quả thấp nhất, Tu đà hườn (Sotapanna), cũng không bao giờ thành tựu được vì vị đó tự mình dính mắc mình vào các giới luật và giới cấm thủ (silabbataparāmāsa).

Đối với những Tỳ khuru, việc thực hành ăn chay đôi khi là một cảm nhận vui thích. Có một Tỳ khuru nói với đệ tử của mình là thầy sẽ ăn chay vài tháng thôi. Vì theo giới luật, Tỳ khuru không được từ chối bất cứ thực phẩm nào đã dâng cúng cho mình - ngoại trừ nó trái với pháp và luật. Vị đó nhận, nhưng không ăn thực phẩm có dung chứa cá và thịt.

Một ngày nọ, có thể cho là ngày bất hạnh, một đệ tử hỏi Tỳ khuru: "Thưa ngài, ngài có biết là thực phẩm người nọ cúng dường, mà ngài vừa ăn có thịt không?" Gặp phải câu hỏi lắt léo này, Tỳ khuru im lặng một lát. Tuy nhiên vì ngài sáng trí, nên ngài lấy lại điềm tĩnh, tìm ra câu giải đáp với ba tiêu chuẩn được dùng thịt. Ngài nói: "Này ..., tôi không thấy, nghe hay nghĩ ngờ thực phẩm đó có thịt. Nếu tôi biết trước, dĩ nhiên tôi sẽ không ăn". Câu trả lời này được chấp nhận bằng một nụ cười và cái gật đầu nhẹ giống như cậu bé đã bị cha khiển trách.

Điều khác nhau giữa ăn chay và tam tịnh nhục ví như thanh gươm và vỏ kiếm. Tam tịnh nhục có thể so sánh với thanh kiếm, còn ăn chay giống như bao kiếm. Trong điều kiện an toàn, người ta có thể thưởng thức và khoe khoang vẻ đẹp của bao kiếm có cán và trang trí ngọc ngà trong khi đó lưỡi kiếm thì có thể quên lãng trong bao. Tuy nhiên trong hoàn cảnh nguy cấp, thanh kiếm có thể được sử dụng để tự vệ và hữu ích hơn bao kiếm nhiều.

Từ ví dụ trên, chúng ta thực sự biết thực hành ăn chay là một điều kiện khó khăn, đặc biệt đối với những ai không nấu ăn giỏi. Ví dụ người tu khó phân biệt được đậu hũ chiên với đậu đũa và đậu hũ chiên với mỡ lợn. Thiên nhiên không có ưu đãi ti giác của con người giống như thú vật. Nhưng giả sử vị ấy đã có khả năng đặc biệt như vậy, thì vị xuất gia đó sẽ đối diện một số khó khăn, đặc biệt là trong điều kiện giao tế. Chắc chắn điều đó không phù hợp cho bậc xuất gia nghĩ thực phẩm nhiều lần khi mình sắp sửa ăn.

[\[Đầu trang\]](#)

14. Người cư sĩ thực hành việc ăn chay

Khác biệt với những người xuất gia, người cư sĩ sẽ không gặp nhiều khó khăn trong việc ăn chay bởi vì họ có thể, chọn lựa và nấu nướng cho chính mình, sử dụng hương vị nào họ muốn. Một khó khăn nữa có thể đương đầu là để ngăn chặn không cho côn trùng rơi vào thực phẩm. Nếu việc này xảy ra, họ sẽ rơi vào tình trạng nghi hoặc bởi vì không có thánh điển nào chứng minh rõ cho người cư sĩ là thực phẩm đó vẫn còn là thực phẩm nguyên chất hay không. Căn cứ trên mặt luận lý, thực phẩm này không thể được coi là thanh tịnh nữa. Tuy nhiên, nếu thực phẩm được cho là món ăn không còn là chay, thì không người nào thành công trong việc thực

hành ăn chay thanh tịnh! Có bất cứ thực phẩm nào mà chưa từng bị xác chết của côn trùng làm ô uế hay đụng chạm vào? Câu hỏi này được người tại gia trả lời: Nếu gạo, bột mì và những món khác bị pha tạp với xác chết côn trùng thì được xem là thực phẩm chay hay không? Nếu rau trái và những sản phẩm nông nghiệp khác có dung chứa sâu bọ, côn trùng hay trứng của nó thì có được cho là thực phẩm chay hay không? Đậu hũ do những người khác cầm tay mà tay người đó vừa mới cầm thịt thì đậu hũ đó còn là thực phẩm chay hay không?

Cho đến nay chưa có tiêu chuẩn nào để giải tỏa sự thắc mắc này. Cho nên sự thành tựu trong việc ăn chay vẫn còn hoài nghi [35].

[\[Đầu trang\]](#)

15. Ăn chay trong thời đại mới

Không có phủ nhận rằng thời đại hôm nay con người cần phải có, và thậm chí bắt buộc phải có những nhu cầu sống cơ bản như quần áo, thực phẩm, chỗ ngủ và thuốc men, được sản xuất ở những nhà máy và được buôn bán ngoài chợ. Hiện nay trong những sản phẩm đó có nhiều loại được làm bằng nguyên liệu lấy từ nguồn gốc động vật. Thậm chí những thứ vật dụng dùng hàng ngày, được phục vụ mọi nơi, cũng không tránh khỏi chúng. Những nhà quan sát học nói rằng kem đánh răng Colgate, xà bông Camay, Palmolive bán ở thị trường Los Angeles, Hoa Kỳ có dung chứa mỡ lợn [35].

Theo quan niệm thực tế này, thời nay người ta có thể ăn chay một cách nghiêm túc được không? Nếu có thể, người ta sẽ đánh răng bằng bột; tắm bằng đá sông thay cho xà bông, hay nói khác hơn là người ta trở về lối sống nguyên thủy. Một lối sống khoan dung hơn, là không biết tới nguyên liệu hay những thành tố của sản phẩm do nhà máy sản xuất. Giá như không có xương động vật vào trong kem đánh răng, xà phòng, nước tương, dầu ăn... nên xem xét các sản phẩm cho phép, không chế tạo bằng bất cứ bộ phận nào của thú vật! Tuy nhiên nếu chọn lối sống này thì nên trả lời câu hỏi: "Cách sống này có thích nghi với tinh thần ăn chay ngày xưa không?"

[\[Đầu trang\]](#)

16. Việc ăn chay hay Bát giới: Một sự lựa chọn tùy duyên

Vì cả hai đều liên quan đến cái ăn, sự ăn chay thì thường nối tiếp với tám giới (Atthasila), giới thứ sáu là không dùng thực phẩm phi thời. Hầu hết những tu sĩ Đại thừa ăn chay mà không gìn giữ giới luật này theo giới luật của hệ Pàli tạng thì điều này sẽ phạm tác ác (paccittiya) [36].

Đường như là hai giới luật đó được xem như là có thể thay đổi cho nhau, hoặc chọn lựa tùy duyên. Theo sự lý giải: "Ai cảm thấy ăn chay thoải mái thì cứ ăn chay, còn ai hoan hỉ giữ giới thứ sáu thì cứ gìn giữ. Dù sao đi nữa cả hai đều có chiều hướng phát huy đức hạnh như được thấy trong pháp của Đức Phật" [37].

Thật sự lời lý luận này không phù hợp với giáo lý chọn truyền của Đức Phật tổ Gotama. Tội thiếu lời lý luận này cũng soi sáng sự ngang bằng giáo lý của Đức Phật và kiến nghị việc không ăn cá, thịt của Devadatta.

Việc đối chiếu ăn chay với điều giới luật thứ sáu của bát giới là một điều không phù hợp, khác với vị trí không chính thống của ăn chay. Tám giới chính thức do Đức Phật Gotama dạy như là phương tiện sinh thiên hoặc thanh tịnh hóa. Cho nên người nào thay thế giới thứ sáu với điều ăn chay là một điều không thận trọng lắm. Chắc chắn còn nhiều người vẫn chưa hiểu giới luật thứ sáu.

Giới luật thật sự không chỉ là quy luật về oai nghi tế hạnh, mà còn là truyền thống tu tập của chư Phật, chư Tỳ khuru và người tại gia cư sĩ nhiều thời đại qua. Sau khi Tỳ khuru vi phạm, Đức Phật mới cấm giới luật. Tuy nhiên điều đó không có nghĩa là giới luật không được biết đến trong một hình thức nào khác trước đó. Một Tỳ khuru phạm luật chỉ là một động cơ chính để đức Bổn Sư bắt đầu cấm chế chính thức giới luật. Vì lý do trên, chắc chắn không đúng khi quá quyết là những giới luật là do Đức Phật Gotama thiết lập theo ý muốn riêng tư và sở thích của ngài. Như thế, sự sửa đổi giới thứ sáu của bát giới do những nhà tu Đại thừa không những ám chỉ việc tổn hại trong việc hành trì giới này, mà còn có nghĩa đánh mất truyền thống đã được chư Phật chế định!

Người ta quan niệm là lợi ích của giới thứ sáu trong bát giới là chỉ để thực hành việc điều độ trong sự ăn uống, kỷ dư, không còn lợi ích nào khác nữa. Dĩ nhiên cách nói như vậy thì chưa đúng. Ngoài lợi ích tiến bộ tâm linh, gìn giữ giới thứ sáu cũng duy trì sức khỏe tốt. Thực tập giới thứ sáu, cũng được gọi là "nhịn đói với nước trái cây" [38]. Trong danh từ y dược học hiện đại cho biết là hữu ích cho sức khỏe ở nhiều nước đã phát triển: Mỹ, Đức, Thụy Sĩ, Nga.

Viện nghiên cứu y học nổi tiếng thế giới, Karolinska ở thủ đô của Thụy Điển giới thiệu nó như là một phương pháp chữa bệnh có kết quả. Lúc nhịn ăn thân thể không thu nhận protein và mỡ, cho nên nó thiếu đốt và tiêu hóa đi các tế bào của nó trong quy trình cho là "sự tiêu hóa". Nhờ sự chọn lựa và tiêu hóa đi những tế bào không tốt, già nua hay chết chóc, thân thể tự tổng cận bã và độc tố mà nó đã dung chứa. Bác sĩ Otto Buchinger gọi phương pháp nhịn ăn này là "xả cận bã, đốt cháy rác rến". Trong giai đoạn kiêng ăn, ống dẫn đồ ăn, gan và thận có lẽ hoạt động có kết quả hơn, vì chúng tạm ngưng việc xử lý thực phẩm mới, chỉ còn sự đào thải cận bã và hoá chuyển độc tố loại trừ ra khỏi thân thể. Đồng thời, sự cấu tạo tế bào mới đang gia tăng nhanh không ngại thân thể thiếu protein trong lúc nhịn ăn, bởi vì chất protein trong thân thể là trạng thái sinh động, có lẽ liên hồi tái tổng hợp và tái thực hiện cho các điều kiện khác của thân thể [39].

Một số nhà khoa học hiện nay có thể chứng minh rằng thân thể có thể tiêu hóa, chế tạo và tiếp thu những chất dinh dưỡng có kết quả hơn vào sáng sớm. Do đó, buổi sáng là thời điểm tốt nhất cho loài người, loài thú để ăn (ngoại trừ thú ăn đêm) mà ban đêm là thời điểm tốt nhất cho việc nghỉ ngơi. Cho nên nếu ai ép buộc bao tử, ruột và những cơ quan tiêu hóa khác làm việc cả ngày lẫn đêm thì nguy hại cho thân thể.

[\[Đầu trang\]](#)

17. Ăn chay và sức khỏe

Những lợi ích tôn giáo về việc ăn chay đã được đề cập đến trong những phần trước. Bây giờ chủ đề cuối cùng để thảo luận là ăn chay và kết quả của nó về sức khỏe thân thể. Có một ý kiến cho là ăn chay sẽ có sức khỏe và mạnh mẽ hơn. Tuy nhiên cũng có ý kiến đối lập cho là ăn cá và thịt sẽ mạnh mẽ và khỏe hơn. Ý kiến nào đúng hơn? Không có câu trả lời xác định cho câu hỏi này.

Nói một cách khác, dù ăn chay hay ăn mặn, ăn cách nào có lợi ích cho sức khỏe thì tùy thuộc vào từng cá nhân. Đối với người bị một số bệnh như: dị ứng, căng thẳng thần kinh, bệnh tim... hay người có chất cholesterol cao thì ăn chay (chính xác hơn là ăn kiêng) có thể thật sự lợi ích cho sức khỏe của họ. Tuy nhiên đối với trẻ em ăn chay chắc chắn sẽ cản trở sự phát triển cơ thể của chúng, đặc biệt là sự phát triển bộ não. Dung lượng protein trong những sản phẩm nông nghiệp luôn luôn không thể thay thế nhu cầu protein động vật của cơ thể. Điều đó cũng nên hiểu rằng cá và thịt dung chứa những chất dinh dưỡng ít có trong cây rau hoặc trái, vì dụ vitamin B12. Vitamin B12 không thể sản xuất một cách tổng hợp là có lợi ích cho việc hệ thống và thay đổi những tế bào mới. Ngoài chứng bệnh thiếu máu, không có đủ vitamin B12 có thể gây nên sự mệt mỏi thần kinh, và thiệt hại bộ não. Những triệu chứng là tê liệt, rối loạn

thần kinh và hoang tưởng. Nếu không điều trị sớm, kết quả sẽ là suy giảm tâm thức thường xuyên và bại liệt [40].

Chắc chắn là tuyệt đối không ăn cá thịt dẫn đến việc ảnh hưởng xấu cho sức khỏe. Nếu không, vì sao những hội sức khỏe đề cao thực phẩm cá, thịt và sữa. Một số người ăn chay ở phương Tây cho dùng sữa, trứng và cá cá nước ngọt, e rằng ăn chay quá khắt khe khác có thể tổn hại cho sức khỏe. Như thế, có thể kết luận là ăn chay chỉ phù hợp cho ai vấp phải một số bệnh nào đó, ai tiêu thụ chất dinh dưỡng quá mức, hay người lao động nhẹ, bởi vì họ không cần thiết nhận nhiều protein động vật hay những chất dinh dưỡng khác có dung chứa từ cá và thịt. Trái lại, trẻ thơ, người kém chất dinh dưỡng hoặc người làm việc nhiều mà sự tiêu thụ chất protein của động vật và những chất bổ khác trong cá, thịt, sữa được đòi hỏi với số lượng lớn, không nên cố ăn chay, ngoại trừ xét thấy có lợi cho sức khỏe.

[[Đầu trang](#)]

18. Tóm lược

Sau khi xem xét những lời dạy đã được trình bày trong quyển sách này, bây giờ độc giả có thể trả lời đúng câu hỏi: "Quý vị là người ăn động vật hay thực vật?" Câu trả lời là phải phù hợp với giáo pháp, lời dạy nguyên thủy của Đức Phật, là ăn thế nào cũng được. Người tu chân chính không để mắc mứu trong điều khó xử về ăn chay. Tấm gương thận trọng của Đức Phật là việc hướng dẫn tốt để đối diện cũng như khắc phục những vấn đề ăn chay.

Người tu không nên cho mình là người ăn thịt; dường như mình là người bán hàng cho những nhà sản xuất thực phẩm làm bằng cá, thịt; cố làm giàu có qua việc bán thịt và vô tình biến mình cho việc giết thú lấy thịt bán. Nhưng người tu cũng không nên cho mình là người ăn chay, truyền bá cho việc ăn chay, thu hút người khác sống theo cách sống của mình một cách u mê. Người tu là người có "lối sống độc nhất" trong sự cung ứng điều kiện thực phẩm của mình.

Như vậy để trả lời câu hỏi cho chủ đề của quyển sách này, người tu hành phải nói thẳng thắn: "Tôi không phải là người ăn động vật mà cũng không phải là người ăn thực vật! Tôi là người ăn bất cứ thực phẩm nào phù hợp giáo pháp, lời dạy của bậc giác ngộ".

[[Đầu trang](#)]

Lời bạt

Đọc cuốn sách "Vấn đề ẩm thực trong Phật giáo," chúng ta thấy ý nghĩa của sự tu hành là gì? Phương pháp để đạt được cứu cánh (Niết Bàn) của người tu Phật ra sao? Hành giả tu Phật sai mục tiêu lý tưởng sẽ không đạt được kết quả tốt đẹp, công phu hành đạo nó sẽ thành tự đầu độc và đi hại đến tư tưởng bản thân và quần chúng.

Cho nên tôi nhận thấy cuốn sách bàn về vấn đề ẩm thực này rất có ý nghĩa thời sự đối với những người mong muốn giạt được đạo hơn là tự hành chánh đạo. Diễn hình như một số tiêu đề mà nội dung cuốn sách đã nêu như:

1. Vấn đề ăn chay, ăn mặn đã có lắm ý tưởng mâu thuẫn nhau. Tu sĩ Phật giáo Nam Tông căn cứ theo luật Phật buộc người xuất gia phải sống bằng thức ăn đi trì bình khất thực. Các tu sĩ không hề dám đề ra những cao kiến trên Phật đề canh tân giáo pháp. Các tu sĩ không được có của riêng, ngoài tam y và quả bát. Các triết gia Hy Lạp thì đề cao thuyết ăn chay. Ngày nay các tu sĩ Việt Nam phái Bắc Tông cũng đề quyết hạnh ăn chay.

2. Người thì có ý hướng lệch lạc tiếc nuối theo học thuyết chay lạt và đi xa hơn là khuyên "Nên ăn chay vì nó là yếu tố có được sự thanh tịnh". Họ cho rằng ăn chay sẽ đạt được mục

tiêu. Điều này chính là điểm khác nhau với phái Nam Tông. Đức Phật đã thuyết giáo rằng: "Có giới mới có định, có định mới có tuệ."

3. Ăn chay có thay đổi được tánh nết không? Một vị Bồ Tát, Phật có thực hành việc ăn chay không? Ăn chay có đảm bảo sức khỏe cho mọi người không?

Tác giả cuốn sách có nghiên cứu chính chắn, có kết hợp các ngành khoa học xã hội, Tôn giáo học, ngành y học... và được dịch giả Tỳ kheo Thích Thiện Minh phiên dịch khá chính xác, vạch rõ được ý nghĩa của bản chính. Theo tôi vấn đề này hoàn toàn phù hợp với lời Phật dạy là sống nhờ thiên hạ và vì thiên hạ. Tôi rất hy vọng cuốn sách nhỏ bé này sớm ra đời, để phần nào khai thông được những tư tưởng xa lạ phi Phật tánh của một số người chưa hiểu được bản thân phải làm gì để đạt được cứu cánh của người tu Phật.

Tiền sĩ Thái Văn Chải

[[Đầu trang](#)]

Chú thích:

[1] Theo quyển "Bách Khoa Thế Giới", phần Tổ chức kinh doanh, Chicago

[2] John Blofeld là tác giả viết kinh điển Phật Giáo Đại Thừa nổi danh, dường như ông đã xem thường sự kiện lịch sử trong khi đó ông đã tuyên bố sai lầm: "Những quyển sách cổ ở Ấn Độ cho thấy rằng việc ăn chay không được biết đến trong suốt thời gian Phật giáo truyền bá trên đất nước này". Chính những nhà học giả Ấn Độ giáo thừa nhận rằng ăn chay cũng được tìm thấy từ Phật giáo.

[3] So sánh điều này với lời dạy của kinh thánh trong Matthew XV, 10-19 có đoạn như sau: "Không có thứ gì ăn vào hay nhả ra mà làm cho người ta nhơ bẩn, nhưng con người nhơ bẩn là vì ác ý, sát hại, tà dâm, gian tham, trộm cắp..."

[4] Điều quan trọng để hiểu là thuật ngữ "vaniija" trong ngữ cảnh này chỉ liên quan đến hành động buôn bán, chứ không liên quan đến việc mua sắm.

[5] Bị vô minh áp chế và vì nhân duyên cũng như những cá tính tự nhiên; loài thú không thể nâng cao sự tiến bộ, phát huy sự hiểu biết hoặc làm tăng trưởng tính khôn ngoan được.

[6] "Người Phật tử tin gì?", Kuala Lumpur. Hội truyền bá Phật giáo, năm 1973, trang 78.

[7] Luật Đại Thừa của Tỳ khưu Yen Kiat, xuất bản năm 1960, trang 60.

[8] Kinh Lăng Nghiêm (Surangamasutra) do Charles Luk dịch, London ấn hành năm 1966, trang 153.

[9] Kinh Lăng Già (Lankavatarasutra) do Daisetz Teitaro Suzuki dịch, London ấn hành năm 1973, trang 211-221

[10] Luật Đại Thừa (Mahàyànavinaya) do Tỳ khưu Yen Kiat biên soạn, Bangkok ấn hành năm 1960, trang 60.

[11] Trường Bộ, Trung Bộ, Tương Ưng Tăng Chi, Tiểu bộ kinh.

[12] Trường A Hàm, Trung A Hàm, Kinh Tạp A Hàm, Tăng Nhất A Hàm (Dirghagama, madhyamagama, Samyuktagama, Ekotta-rikagama)

[13] Giới luật của Tỳ khưu, do Charles Si Prebish, New York ấn hành năm 1975, trang 80.

[14] Giới này so sánh với Giới Bồ của Trường Lão Bộ đã được công bố nó tương đương điều thứ bốn mươi trong Giới Bồ của nền tảng Nhất Thiết Hữu Bộ.

[15] Trong phân biệt kinh "Suttavibhanga" (Luật tạng Vinaya pitaka) có nói đến Trường Lão A La Hán Tỳ khưu Ni Uppalavanna đã cúng dường bữa ăn nấu bằng thịt cho Đức Phật Gotama.

[16] Kinh Quán Tưởng, Bangkok ấn hành năm 1975, trang 263.

[17] Người Trung Hoa tin rằng linh hồn của người chết còn quanh quẩn trong nhà của họ nhiều ngày trước khi đi tái sinh. Trái lại với niềm tin này, kinh điển A Tỳ Đàm (Abhidhamma) giải thích rằng ngay khi tâm tử (cuti - citta) là tâm tái sinh (patisandhi citta).

[18] Paramatthajotika được biên soạn do Phra Saddhammajotika, Bangkok ấn hành, Phật lịch 2526 và quyển Abhidhammattha-sangaha do Vannasiddhi tóm lược, Bangkok ấn hành, Phật lịch 2530.

[19] Xem lại WFB, tập 21, bài số 1, từ tháng giêng đến tháng 5, năm 1984, trang 83.

[20] Đền cây cao cấp có chứa chất mỡ.

[21] Trong quyển kinh Lăng Già, ngay cả mật ong thì cũng được xem là thực phẩm thích hợp cho những người tu theo Đại Thừa.

[22] Thậm chí có những người ăn chay được biết họ thành lập cơ sở sản xuất dây nịt da hoặc hãng xường làm giày. Có lẽ họ quan niệm rằng chỉ không ăn cá thịt thì đủ để tha tội cho họ từ tội giết hàng loạt loài thú vô tội.

[23] Nguồn tài liệu này là của Ngài Pannavaro

[24] Thuật ngữ này cũng được thấy trong quyển Mi Tiên vấn đáp (Milinda panha) - kinh điển Pàli có nêu chi tiết cuộc tranh luận giữa Vua Milinda và Đại đức Nagasena.

[25] Trong kinh Đại Níp Bàn và kinh Mi Tiên vấn đáp, giáo sư Rhys Davids đã dịch thuật ngữ này là thịt heo mềm. Nhưng I.B.Horner trong bản dịch Mi Tiên vấn đáp của bà thì thuật ngữ này được dịch là "nấm đen ăn được".

[26] Trong kinh điển Trung Hoa thuật ngữ này được dịch là loài nấm.

[27] Ông là nhà chú giải kinh điển Pàli nổi tiếng sống khoảng thế kỷ thứ V sau Tây lịch.

[28] Chú giải kinh tạng Pàli xưa và quan trọng nhất được ghi lại ở Tích Lan là do công lao của Ngài Malinda, con trai vua Asoka.

[29] Tam Tạng kinh điển Tích Lan, thuật ngữ này được duy trì trong hình thức Nguyên thủy, không có dịch ra.

[30] Nhà chú giải nói rằng thiện nam Cunda đã đạt được đạo quả Tu Đà Hườn.

[31] Trong quyển Bách Khoa Thế Giới, người ta viết rằng chỉ có những nhà sinh vật học thì mới tỉ mỉ và nghiêm nhặt để phân biệt giữa loài nấm có độc và không độc. Thực tế cho thấy là nấm ăn được đôi khi tương tự với nấm không ăn được ở hình dáng, mùi vị và màu sắc.

[32] Hầu hết các loài nấm người ta cho biết là: hơn 90% là nước, dưới 30% là chất protein, dưới 5% là chất carbohydrate, dưới 1% là chất béo và khoảng 1% là chất khoáng cũng như

Vitamin.

[33] Giả sử là Sukara-maddava có chứa chất độc, nhân gây bệnh tật hay cái chết của Đức Phật, thì chắc chắn bát cơm đó sẽ không được công bố là sự cúng dường có nhiều phước báu tương đương với nạng Sujata cúng dường bữa ăn trước khi Ngài thành đạo.

[34] Ở Thái Lan, có vị lãnh tụ giáo phái tà đạo "Santi Asoke" tên là Bodhiraksa, ông thích phê bình ai ăn cá thịt thì người đó sẽ giống như dạ xoa (yakkha), ma quỷ (mara).

[35] Tạp chí Tempo hàng tuần, số 41, năm thứ 15, ra ngày 7.11.1985

[36] Ở kinh Ba La Đề Mộc Xoa của tạng Sanskrit, những người theo Bộ phái Đại Chúng Bộ (Mahasanghika) thì vẫn còn gìn giữ giới luật này.

[37] U. Tedjo Joewono trong nhan đề "thực phẩm" ở tạp chí Svaradhamma, số 9 từ tháng 10 đến tháng 11, năm 1985.

[38] Phương cách ăn ngũ của Phật giáo có thể so sánh với phương pháp "nhịn ăn với nước trái cây" do những nhà khoa học giới thiệu. Các vị Tỳ khuru được Đức Phật cho phép dùng nước trái cây sau giờ ngũ vì nước trái cây có lượng vitamin cần thiết cho cơ thể hàng ngày. Cách ăn này thì lợi ích và tốt hơn đối với việc "nhịn ăn hoàn toàn" như đã luyện tập bởi một số tôn giáo khác mà thậm chí họ còn ngăn cấm uống nước nữa.

[39] Thông tin này đã bắt nguồn từ "việc nhịn ăn với nước trái cây: phương pháp quan trọng đối với sức khỏe và tuổi thọ" trong quyển sách "How to get well", một cuốn sách đã bán chạy nhất do Tiến sĩ Paavo Airola viết.

[40] Trong quyển sách hàng năm nói về chất dinh dưỡng do John D. Kirschmann, Lavon J. Dunne, Hoa kỳ ấn hành năm 1984.

[\[Đầu trang\]](#)

Chân thành cảm ơn Tỳ kheo Thiện Minh đã gửi tặng ấn bản điện tử (Bình Anson, 12/99).

[1](#) | [2](#) | [3](#) | [Giới thiệu](#) | [Đầu trang](#)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

Vấn đề ẩm thực trong đạo Phật

Phụ đính

DĨ KINH CHỨNG KINH

Vấn đề ăn chay

-ooOoo-

"Ce qui nous rend impurs, ce n'est pas manger de viande, mais c'est la haine l'intempérance, l'entêtement, la bigoterie, la fourberie, l'envie, l'orgueil, la complaisance pour les hommes injustes"- PIERRE SALET (L.S.P.P, tr. 52)

Phi lộ

Gần đây thấy trên trang Thư Viện Hoa Sen [*], mạng Internet, có những bài phê bình TT Giác Chánh về bài viết "Lời giới thiệu" quyển "**Vấn đề ẩm thực trong Phật giáo**", chúng tôi Phật tử nhóm Phù Sa phân vân xin tra lại kinh sách để tham khảo vấn đề nói trên một cách thực tiễn như tục ngữ có câu: "*Nói có sách mách có chứng*" và để tránh cái lỗi: "*Ly kinh nhưt tự tiện đồng ma thuyết*".

Mong rằng việc làm này sẽ đem lại lợi ích cho Phật tử trong và ngoài nước hiện tại cũng như tương lai, mà các bậc tiền bối đã bỏ không biết bao công sức để làm cho Phật pháp tồn tại đến thế hệ chúng ta.

MONG THAY
Nhóm Phật tử Phù Sa
tháng 9-2001

[] Cung Đình Hương, Chơn Chánh, Liên Tâm của thư viện điện tử Hoa Sen ở Mỹ.*

-ooOoo-

TRA LẠI KINH SÁCH: TRAI VÀ CHAY

*L*ương Khai Siêu có nói: "*Ta có mắt để thấy, có tai để nghe, có trí để suy nghĩ, đối với cổ nhân, có lúc ta kính như thầy, có lúc ta trọng như bạn, có lúc ta cũng coi thường, ta quyết vì chơn lý chứ không làm nô lệ cho cổ nhân*".

Cổ Đức cũng có nhắc nhở chúng ta: "*Kim nhơn khán cổ giáo, vị miển tâm trung não, dục miển tâm trung não, ưng tu khán cổ giáo (Người đời nay xem sách giáo lý đời xưa, không khỏi tâm bị rúng động, nhưng muốn tâm khỏi rúng động, thì nên xem lại sách giáo lý đời xưa)*".

Vậy chúng ta thử phôi kiểm các kinh sách Phật giáo đã được ghi chép, dịch giải, biên soạn trong và ngoài nước coi ra sao?

Quyển "Lịch sử Phật pháp" của Hòa thượng Hộ Tông trích dịch, ấn hành 1954, trang 52 - 54 ghi rằng:

Trích trong "Phật học tự điển"

- Trai hựu tác thời: Chữ trai lại là thời.
- Trai thực, thời thực già: Ăn trai là ăn đúng giờ vậy.
- Trai già vi bất quá trung thực: Trai ấy, nói là sự ăn không quá ngo.
- Chánh ngo dĩ tiền sở tác chi thực sự già: Đúng ngo về trước là thời điểm việc ăn vậy.
- Giới luật thượng: Trên giới luật.
- Ư thực phân thời, phi thời: Nơi sự ăn, chia giờ và chẳng phải giờ.
- Chánh ngo dĩ tiền vi chánh thời: Đúng ngo về trước là đúng thời.
- Dĩ hậu vi phi thời: Về sau là chẳng phải thời.
- Thời già nghi thực: Đúng thời nên ăn.
- Phi thời già bất nghi thực: Sái giờ chẳng nên ăn.
- Nhon di thời trung chi thực vi trai thực: Nhon đó sự ăn trong giờ là ăn trai.
- Từ điển viết: Từ điển nói.
- Trai: Giới già, kính già: Trai là giới vậy, kính vậy.
- Thị thông ư nhất thiết: nghĩa suốt tất cả nơi.
- Phạm danh Ô-Bô-Sa-Tha: Tiếng Phạm là Uposatha.
- Hựu viết bố tác: Lại gọi là Bố Tác.
- Thuyết thức già: Nói cho biết.
- Thanh tịnh chi nghĩa: Nghĩa là trong sạch.
- Hậu chuyển viết trai viết thời: Sau đổi, nói trai là thời.
- Chánh chi bất quá trung thực chi pháp: Ý chính là nói phép ăn không quá ngo.
- Thủ chi viết trì trai: Vàng giữ như vậy gọi là trì trai.
- Thị vi trai chi bản nghĩa: Thật là nghĩa gốc chữ trai.
- Nhiên hậu hựu nhứt chuyên nhi vi bất vi nhục thực: Về sau đổi lại tất cả là không ăn thịt.
- Thử nhon Đại thừa giáo chi bản ý: Đó là do bản ý của Đại thừa giáo.
- Chí trọng cấm nhục thực: Rất nặng về sự cấm ăn thịt.
- Toại viết trì trai già, cấm nhục thực già: Bên gọi là người trì trai vậy, là cấm ăn thịt vậy.
- Tinh tấn vân già, duy bất nhục thực chi sự già: Nói rằng tinh tấn chỉ là việc không ăn thịt vậy.

1. PHẬT GIÁO VÀ SỰ ĂN CHAY

Quyển "Đức Phật lịch sử" nguyên tác: H.W. SCHUMANN, việt dịch: Trần Phương Lan, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành 1997, trang 243 - 245 ghi rằng:

Vị y sĩ hỏi Đức Phật về thái độ của Ngài đối với việc sát sinh và cách dùng thực phẩm toàn rau quả (trường trai):

- "Bạch Thế tôn! Con nghe nói rằng nhiều súc vật bị giết vì Ngài, và Ngài dùng món thịt đặc biệt dành để cúng dường Ngài, có đúng vậy chăng?"

- Này Jivaka! Bất cứ ai nói như vậy là không nói sự thật. Đúng ra, Ta nói rằng thịt không được nhận làm món khất thực trong 3 trường hợp nếu ta thấy, nghe và nghi (con vật ấy bị giết vì vị Tỷ kheo này) song nếu không phải các trường hợp trên thì vị Tỷ kheo có thể thọ dụng món thịt.

Nếu một vị Tỳ kheo đi khát thực trong thôn xóm hay thị trấn với tâm từ (Mettà) biến mãn khắp mọi chúng sanh và một gia chủ mời vị ấy thọ thực ngày mai, vị ấy có thể nhận lời. Nhưng trong lúc vị ấy đang thọ thực ngày hôm sau tại nhà kia, vị ấy không nên nghĩ là vẫn ước mong được mời một bữa cao lương mỹ vị như vậy thêm lần nữa. Vị ấy nên thọ dụng món khát thực mà không tham đắm lạc thú ẩm thực. Này Jivaka! Ông có nghĩ rằng một Tỳ kheo làm như vậy là tự hại mình và hại người khác không?

- Thưa không, bạch Thế tôn!

- Này Jivaka! Nếu ông nói đến sự cố ý tận diệt của Ta thì điều đó chỉ đúng theo ý nghĩa duy nhất này: "Ta đã đoạn diệt tham, sân, si ở trong Ta khiến cho chúng không thể sanh khởi được nữa trong tương lai. Bất cứ kẻ nào sát sanh vì Ta hay một đệ tử của Ta sẽ phạm một ác nghiệp gồm có 5 phần, đó là dẫn con vật đi, hành hạ nó (lúc lôi kéo), giết chết nó và do vậy hành hạ nó thêm lần nữa và cuối cùng là cúng dường Ta và đệ tử Ta không đúng chánh pháp". (MN. 55 lượt thuật). [*]

[*] Trung bộ số 55, kinh Jivaka (Bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu)

2. LỤC TỔ HUỆ NĂNG VÀ SỰ ĂN CHAY

Quyển "Pháp bảo đàn kinh" do Ngài Linh Thao (Pháp Hải) ghi lại bằng Hán văn, Hòa thượng Thích Nhật Long dịch nghĩa và phụ chú ấn hành 1970, trang 38 - 39 ghi rằng:

Chánh văn "Hậu huệ năng chí Tào Khê, hựu bị ác nhơn tâm trục nãi u Tử hội tị nạn lập nhơn đội trung, phạm kinh thập tải, thời giữ lập nhơn tùy nghi thuyết pháp. Lập nhơn thường lĩnh thủ võng, mỗi kiến sanh nạng tận phóng chi, mỗi chí phạm thời dĩ thể ký chữ nhục oa, hoặc vấn đối viết: Đản khiết nhục biến thể".

Dịch nghĩa:

Huệ Năng sau đến Tào Khê lại bị bọn người ác tâm theo, bèn đến Tử hội lánh nạn trong đội thợ săn, trải qua 15 năm, có khi tùy phương tiện nói Pháp cho bọn thợ săn nghe. Thợ săn thường sai tô giữ lưới, mỗi khi thấy thú mắc lưới tìm cách thả, khi đến bữa ăn thời hái rau luộc chung trong nồi thịt có ai hỏi thì nói: "Tôi ưa ăn thịt thắm trong rau".

Phụ chú:

15 năm ẩn trong bọn thợ săn Tô tùy phương tiện thuyết pháp dạy cho người cải một ít ác theo một ít thiện, chớ chưa đủ cơ duyên lập Tông. Lén mở thả thú là lòng từ nặng hơn chữ tín. Sợ người biết truy tâm nên phương tiện luộc rau trong nồi thịt ăn, thế mà có người hỏi lại nói khéo, vì ưa ăn thịt thắm trong rau, chớ không nói ăn chay theo đạo Phật. Đời sau có người không hiểu lại nói Tô không cần ăn chay.

Học theo Tô đến đoạn này chúng ta mới thấy vấn đề ăn chay: Nhiều người lầm ăn chay theo tư tưởng của thuyết nào đó dạy ăn chay để luyện tâm cho nhẹ biết bay biết biến hóa chi đó! Cho nên họ ăn chay rất kỹ, kỹ là sao? - Họ sợ hôi tanh thịt cá. Vì thế bắt đầu ăn chay một ít ngày gì đó, họ kỹ lưỡng và khó khăn làm sao! Rầy con mẫn cháu: Không lo sắm nồi sạch chén mới, dưa tinh cho họ ăn mau thành? Ăn chay mà lầm như vậy cho nên có nhiều người ăn chay rất nhiều ngày, ăn chay trường nữa, nhưng họ dám hà lạm, gian manh, sát hại cho có lợi lấy tiền sắm đồ ăn chay. Ăn chay mà việc làm cũng vẫn vô nhân, vô nghĩa, chửi rủa, mắng nhiếc, sát hại thì bảo sao người ta chẳng mỉa mai:

*"Si mê nghiệp chướng không chừa,
Bo bo mà giữ tương đưa ích gì"*

Theo ý Tô ăn chay là vì lòng từ bi: Thương người, thương vật, không nở vì miếng ăn mà lườm gạt gian manh, tham lam, lườm gạt của người; không nở nhẫn tâm sát hại sanh mạng hay ân ý xúi giục người sát hại cho mình ăn. Tô ăn chay không phải sợ hay chê hôi tanh thịt cá, cũng không để luyện xác thân, mà ăn chay vì lòng từ bi bao la cao cả thương người thương vật.

Đấy là Tổ sư giòng thiền Tào Khê Trung Quốc cũng không quá cố chấp tập quán ăn chay.

3. TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ VÀ SỰ ĂN CHAY

Quyển "Lịch sử Phật giáo Việt Nam" do Minh Chi - Lý kim Hoa - Hà thúc Minh - Hà văn Tân - Nguyễn tài Thư biên soạn. Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam Viện Triết Học ấn hành. Nhà xuất bản khoa học xã hội Hà nội - 1991, trang 256 - 258 ghi rằng:

"Hãy sống hòa vào đời, không làm trái quy luật tự nhiên đó là nguyên tắc sống của Tuệ trung thượng sĩ. Trần Nhân Tông đã từng viết về Tuệ trung: "Hồn tục hòa quang, dữ vật vị thường xúc ngộ" [*] (Sống chung cùng đời tục, hòa ánh trong bụi bặm, đối với mọi vật chưa từng xúc phạm hay làm trái ngược). Lời nhận xét của người học trò về người thầy của mình thật chính xác.

[] Trong bài Thượng sĩ hành trạng*

Thật dễ hiểu, khi từ nguyên tắc sống theo quy luật tự nhiên, Tuệ trung bác bỏ việc ăn chay, tri giới. Các bài kệ sau nói lên rất rõ quan điểm này:

Khiết thảo dữ khiết nhục
Chúng sinh các sở thuộc
Xuân lai bách thảo sinh
Hà xử kiến tội phúc
Tri giới kiêm nhân nhục
Chiêu tội bất chiêu phúc
Dục tri vô tội phúc
Phi tri giới nhân nhục
Nư nhân thượng thụ thì
An trung tự cầu nguy
Nư nhân bất thượng thụ
Phong nguyệt hà sở vi.

Ý bài kệ thật rõ ràng: Ăn cỏ hay ăn thịt là các loài khác nhau của sinh vật. Điều đó cũng tự nhiên như mùa xuân đến thì cây cỏ mọc lên. Như vậy, sao lại coi là tội hay phúc trong việc ăn cỏ hay ăn thịt được. Tri giới (giữ điều răn) và nhân nhục chỉ đem lại tội chứ không đem lại phúc. Phải biết rằng tội và phúc đâu ở chỗ tri giới và nhân nhục. Giữ gìn, chịu đựng như vậy cũng giống như người trèo lên cây, đang ở dưới đất yên ổn lại đi tìm cái nguy hiểm, nếu không trèo lên cây thì dù có gió lay nữa cũng chẳng việc gì!

Tri giới (Sila) và nhân nhục (Khanti) là 2 điểm quan trọng trong hạnh lục độ của Phật giáo, thế mà Tuệ trung đã gạt bỏ một cách táo bạo.

Sống theo qui luật nên không sợ quy luật và tìm được tự do"

Đấy là Tổ sư giòng thiền Trúc lâm Việt Nam cũng không quá cố chấp tập quán ăn chay.

4. TAM TẠNG PÀLI VÀ SỰ ĂN CHAY

Quyển "**Kinh Tiểu bộ**" tập I (số thứ tự 28) Việt dịch: Hòa thượng Thích Minh Châu. Nhà xuất bản TPHCM ấn hành 1999, trang 542 - 547 ghi rằng:

(II) KINH HÔI THỐI (*Amagandha*) (Sn. 42)

Bà la môn:

239. "Các bậc thiện chơn chánh
Ăn hạt giống cây thuốc
Ăn đậu đũa, đậu rừng
Ăn lá, ăn rễ cây
Ăn trái các dây leo
Nhận được thật đúng Pháp
Vị ấy không nói láo
Vì các dục thúc đẩy.

240. Ôi Ngài Kassapa
Ai ăn các món ăn
Do người khác bỏ thí
Khéo làm khéo chụng dọn
Trong sạch và thù thắng
Ăn lúa gạo thơm ngon
Ai ăn uống như vậy
Là ăn thịt hôi thối.

241. Này Bà con Phạm thiên
Chính Ngài tuyên bố rằng:
Ta không ăn đồ thối
Để nuôi sống thân ta
Nhưng Ngài ăn món ăn
Bằng lúa gạo thơm ngon
Ăn thịt các loài chim
Nấu ăn thật khéo léo
Ta hỏi Kassapa:
Ý nghĩa sự kiện này
Ngài định nghĩa thế nào
Là ăn đồ hôi thối!

Đức Phật Kassapa:

242. Sát sanh và hành hình
Đã thương và bắt trói
Trộm cắp và nói láo
Man trá và lừa đảo
Giả bộ kẻ học thức
Đi lại với vợ người
Đây là đồ ăn thối
Ăn thịt không phải thối.

243. Ở đời các hạng người
Không chế ngự lòng dục
Đam mê các vị ngon
Liên hệ đến bất tịnh
Theo chủ nghĩa hư vô
Bất chánh khó hướng dẫn

Đây là đồ ăn thối
Ăn thịt không phải thối.

244. Ai thô bạo dã man
Sau lưng nói dèm pha
Phản bạn không từ bi
Lại cồng cao ngạo mạn
Tánh không có bố thí
Không cho ai vật gì
Đây là ăn đồ thối
Ăn thịt không phải thối.

245. Phẫn nộ và kiêu mạn
Cứng đầu và chống đối
Man trá và tật đố
Nói vô ích, huênh hoang
Ngã mạn và quá mạn
Thân mật với kẻ ác
Đây là ăn đồ thối
Ăn thịt không phải thối.

246. Ác giới, nợ không trả
Làm người điếm chỉ viên
Làm những nghề dối trá
Ở đây, kẻ giả vờ
Ở đây, người bản tiện
Những người làm ác nghiệp
Đây là ăn đồ thối
Ăn thịt không phải thối.

247. Ở đời, đối hữu tình
Người không biết kiềm chế
Lấy cướp sở hữu người
Chú tâm làm hại người
Ác giới và tàn nhẫn
Ác ngữ, thiếu lễ độ
Đây là ăn đồ thối
Ăn thịt không phải thối.

248. Hạng tham ô, thù nghịch
Tìm cách để sát hại
Luôn luôn hướng về ác
Sau chết, sanh tội tăm
Chúng sanh ấy rơi vào
Địa ngục đầu xuống trước
Đây là ăn đồ thối
Ăn thịt không phải thối.

249. Không phải do cá thịt
Cùng các loại nhện ăn
Không phải do lừa thê
Đầu trọc và bện tóc
Không do tro trét mình
Mặc da thú khô cứng

Không phải do sẵn vóc
Nuôi dưỡng và tế tự
Không do nhiều khổ hạnh
Đề được chứng bất tử
Không bùa chú cúng tế
Các tế đàn thời tiết
Làm con người trong sạch
Nếu nghi hoặc chưa đoạn.

250. Do sống hộ trì căn
Vớ các căn nhiếp phục
Vững trú trên chánh pháp
Thích chân trực, hiền hòa
Vượt khỏi các tham ái
Đoạn tận mọi khổ đau
Bậc trí không nhiễm dính
Điều được thấy, được nghe.

251. Nhiều lần, Thế tôn thuyết
Ý nghĩa lời dạy này
Bậc bác học kẻ chú
Thâm hiểu ý nghĩ ấy
Bậc ân sĩ nói lên
Vớ những kẻ tuyệt diệu
Bậc không ăn đồ thối
Độc lập khó hướng dẫn.

252. Nghe xong những lời dạy
Lời Thế tôn khéo nói
Chấm dứt ăn đồ thối
Đoạn tận mọi khổ đau
Vị ấy đánh lễ Phật
Vớ tâm ý nhún nhường
Thỉnh cầu được cho phép
Xuất gia tại nơi đây".

Đây là vấn đề ăn chay không phải là một trong tám muôn bốn ngàn pháp môn của Đức Phật Gotama mà chỉ là "Giáo ngoại biệt truyền" thôi!

(Thuật ngữ pháp môn dịch từ chữ Dhammakhandha, nếu dịch sát văn là Pháp uẩn nghĩa là nhóm pháp, đoạn văn, căn cứ vào kỳ kết tập Tam Tạng lần thứ 3: Tạng kinh có hai muôn một ngàn Dhammakhandha; Tạng Luật có hai muôn một ngàn Dhammakhandha; và Tạng Adhidhamma có bốn muôn hai ngàn Dhammakhandha, cộng chung Tam Tạng (Tipitaka) có đến 84.000 Dhammakhandha hay pháp môn).

5. CƯ SĨ TRỪNG QUANG VÀ SỰ ĂN CHAY

Quyển "Chọn đường tu Phật" của cư sĩ Trùng Quang ấn hành 1955. tập II, trang 21 - 29 ghi rằng:

"Tân Tiến trọng chay khinh giới, Bảo Thủ trọng giới khinh chay. Phật tử trong 2 phái nên tạm gác các thành kiến một bên, dùng óc sáng suốt, lặng xét phải quấy trong 2 phương hướng đối chọi, để cải thiện thể thức tu hành cho hợp lý".

VỀ PHẦN ĂN CHAY

- Sự ăn chay phát xuất từ Ấn Độ, do 2 nguồn gốc:

1. Tập quán dùng lễ hoá của người Ấn Độ thuộc dòng Bà la môn, chiếm độc quyền làm trung gian giữa thần Ba la ma và 3 giai cấp dưới (vô sĩ, thương gia, nô lệ) trong việc cầu đảo cúng tế.

2. Lời thỉnh cầu của Devadatta (Đề bà đạt đa) đệ lên xin Phật Gotama bắt buộc các thầy Tỳ khuru trong Phật giáo ăn toàn đồ lễ hoá trọn đời [1]. Phật Gotama không phê chuẩn, nhưng để cho tín đồ tùy thích dâng cúng bố thí [2].

[1] Đề bà đạt đa xin Phật bắt buộc các thầy Tỳ khuru trọn đời : Phải ở nơi rừng, khát thực nuôi mạng sống, ăn chay trường, mặc y phục làm bằng vải dơ lượm nơi tha ma mộ địa, ở dưới cội cây. Vì thấy thói đời quý trọng những khổ hạnh, Đề bà đạt đa muốn lợi dụng tâm lý ấy, để tranh ngôi Giáo chủ với Phật

[2] Vì đây là cách thức nuôi mạng chẳng phải phương pháp trau dồi thân khẩu.

Sự ăn chay của dòng Bà la môn là một qui luật lưu truyền từ thượng cổ, nên họ coi như là một thói thường, không có tính cách quan trọng. Đề nghị của Đề bà đạt đa dựa theo tục lệ trên để chứng tỏ rằng người tu trong Phật giáo cũng thuộc dòng cao thượng như Bà la môn [3].

[3] Phật thường nói người cao quý, do lòng cao quý, chẳng phải vì dòng cao quý

Một số đông đệ tử của Phật là người thuộc dòng Bà la môn. Ngoại trừ những bậc đặc đạo qua và những người xin nhập môn với chí nguyện giải thoát, có nhiều hạng giả dạng tu hành để tìm cách tái lập uy tín của đạo Bà la môn, hoặc để nuôi mạng, trong khi đạo giáo của họ bị dân chúng phế bỏ. Các hạng Tỳ khuru không có mục đích chơn chánh ấy, tạm thời buộc lòng ở nơi hệ thống Tăng giả, nhưng lòng họ vẫn không khâm phục Phật Gotama, hằng chờ cơ hội gieo mầm mống của đạo họ trong tư tưởng tứ chúng, hầu ngày kia lật đổ Phật giáo, như đã giải nơi chương Lịch Sử (quyển I). Chính các thầy Bà la môn trá hình nói trên đã làm hậu thuẫn cho Đề bà đạt đa khuấy nhiễu Phật nhiều khi, và cũng chính họ đem thuyết ăn chay thay thế cho giới luật Tân tiến sau này, khi Phật Gotama tịch diệt.

Một thói quen muôn phần dễ dàng hơn giới luật nghiêm khắc, ai lại không hoan nghinh. Với cái khẩu hiệu "Ăn chay để cứu sát sanh và nuôi lòng từ bi đối với muôn loài vạn vật" ai lại không mê thích. Nhưng có mấy ai biết rằng, mỗi khi cúng tế thần, các thầy Bà la môn giết bao nhiêu sanh vật như trâu, dê, trâu, bò và đồng nam, đồng nữ, mà không gớm tay. Thầy Huyền trang, khi qua Ấn Độ thỉnh kinh, cũng suýt bị họ làm thịt cúng thần Durgà, tại Prayàga (hiện giờ là Allahabad) trên sông Găng.

Người Bà la môn từ già đến trẻ cả vợ lẫn chồng, đều ăn chay, mà lòng họ mấy chay? Ta nên biết rằng lòng từ bi cũng như tinh thần siêu việt, không phải ở trong chỗ "ăn". Nói cho rõ hơn, cái ăn chẳng phải phương pháp rửa tâm.

Tâm tối mê ví như nước đục, dùng lễ hoá lóng cho nước trong, nước không bao giờ trong được. Tâm là vật vô hình, thân khẩu là chỗ của tâm biểu hiện. Không dùng giới luật để câu thúc thân khẩu, biết tâm đâu mà chế ngự? Vì đó mà Phật Gotama đặt ra những điều răn cấm để cho chúng ta kiểm chế thân khẩu, hầu sửa trị tâm, không cho tâm tự do hành động, nhất là duyên theo điều ác.

Như ta đã thấy, trong phương diện nào các thầy tu Tân tiến cũng muốn tỏ ra rằng họ giới hơn Phật. Thử hỏi người tu Phật chơn chánh, muốn tìm đường giải thoát, nghĩ thế nào? Đại thừa Phật giáo mà chúng ta hấp thụ từ Ấn Độ, Trung Hoa, Cao ly, Nhật Bản hiện giờ ở trong tình trạng nào? Chúng ta có nên đeo đuổi theo tập quán "bỏ giới chấp chay" không?

Theo tục lệ xưa nay, cư sĩ chúng ta có 4 cách ăn chay: 2 ngày, 6 ngày, 10 ngày và trường chay. Bậc xuất gia, lễ thì trường chay, nhưng có nhiều thầy cũng giữ 2 ngày, 6 ngày, 10 ngày như cư sĩ.

Không có thói quen như người Bà la môn nên chúng ta xem sự ăn chay như một việc quan trọng đặc biệt. Gặp nhau, muốn biết ai tu cao, tu thấp người ta thường gởi chuyện ông hay bà ăn chay mấy ngày trong tháng? Đây là cái hãnh diện mà người Phật tử Việt Nam hay bộc lộ trong câu chuyện hàn huyên, làm cho mất vẻ lịch sự và thương tổn đức tánh khiêm tốn của con nhà Phật.

Ngoại trừ những người có khẩn vái để cầu xin một ân huệ chi, hoặc những người bị bệnh phải kiêng cử đồ mặn, hàng Phật tử lấy sự ăn chay làm thước đo lường trình độ tiên hóa trong việc tu hành. Ngày ăn chay một ngày là một ngày lành, bởi trong ngày ấy ai ai cũng cố gắng kiêng cử điều ác. Kiêng cử là tạm ngưng, chớ không phải dứt bỏ, để ngày mai tiếp tục lại đường lối cũ.

Người có tâm đạo, nhất là các cụ ông, cụ bà, hết sức kỹ lưỡng trong món ăn. Bép núc, nồi nêu, chén bát đều để riêng biệt, không ai được phép trộn lộn với đồ dùng mặn. Cách kiêng cử tinh nghiêm như thế ấy thật là hoàn toàn. Nhưng đôi khi, vì quá tin lời truyền dạy của thầy tổ, các cụ phải chứng minh cho người cất cổ gà, vịt hoặc thọc huyết heo trong ngày đơm quẩy. Đê chi? Đê tụng bảy biến vãng sanh cầu siêu cho những con vật bị giết. Thầy tổ đã có nói rằng hạ trâu ngã bò để báo hiếu, hoặc cúng thần linh thì không có tội lỗi chi cả. Chính đây là phong tục của Bà la môn giáo [*]. Tin rằng giết thú để cúng thần, đã không tội lại còn có phước, các thầy Tân tiền đã sửa luật nhân quả của Phật dạy, theo tín ngưỡng của Bà la môn.

[] Quyển "Phật học từ điển" của ông Đoàn Trung Còn, tập nhì, in kỳ đầu 1967, trang 728 ghi rằng: "Nhà tu Phật chẳng những không nên sát, mà còn đem lòng từ bi mà tha thứ, mà cứu độ, mà phóng sanh. Tuy vậy, có khi Phật tử phải sát, mà không có tội, chẳng bị đọa lại còn được thêm công đức. Tỷ như có những kẻ ác tâm hủy phá chùa chiền, Phật tượng, hành hạ chư Phật tử trước mặt mình, mình vì ủng hộ Tam bảo nên buộc lòng phải sát, nhưng sát mà chẳng có ác tâm" - Ôi lòng từ bi của chủ nghĩa ăn chay thật tuyệt diệu !*

Chon lý chỗ nào? Từ cái mâu thuẫn này, chúng ta bị dẫn dắt đến cái mâu thuẫn khác, mà chúng ta vẫn thân nhiên không quan tâm suy xét.

Đây là "Không chê đồ chay, nhưng không chấp nhận thành kiến ăn chay" nếu quả có sự kiện ấy thật?!

VỀ PHẢN GIỚI LUẬT

* Bây giờ xin hỏi người giữ ngũ giới có nên ăn chay không?

- Ăn thì quý lắm, nhưng chớ nên cố chấp đó là đồ chay, mà không ăn cũng không sao.

* Vậy thì chỗ nào gọi là cử sát sanh?

- Tự mình không giết, không xúi biểu kẻ khác giết, không nghe, không thấy người ta giết cho mình ăn.

* Chớ người ta giết cho mình ăn, mặc dầu không xúi biểu, cũng phải mang tội đồng lõa, bởi có mình ăn mới có người giết?

- Tâm không gây nhân, quả không chỗ sanh, nghiệp không tạo, tội do đâu mà báo ứng.

* Tâm ưa thích thịt cá, thân đi mua về ăn, sao gọi là không gây nhân?

- Tâm vẫn bình đẳng, không chấp chày, cũng không thiên mạn; đây chỉ là thói quen của vật chất đòi hỏi.

* Có tâm dung túng chấp thuận, nên sự đòi hỏi của vật chất mới được thỏa mãn chứ!

- Đúng vậy, nhưng tâm đâu có chủ trương giết, hoặc xúi giục kẻ khác giết, tai không nghe, mắt cũng không thấy. Cả thân lẫn tâm không vi phạm một điều kiện khinh trọng nào trong giới sát sanh kia mà.

* Không phạm, nhưng đã thấy biết thịt cá, mà còn nhẩn tâm ăn vào, thì lòng từ bi của Phật từ ở chỗ nào?

- Tín đồ đã bị đầu độc nhiều rồi, giờ này còn đem cái từ bi giả dối ấy ra quảng cáo không ai tin đâu. Từ bi đối với chúng sanh đương bay đương chạy, không nỡ giết nó để nuôi mạng. Đó là từ bi thực sự, còn từ bi đối với miếng thịt, khúc cá, là từ bi dối trá, từ bi ngoài lỗ miệng của người bị nhồi sọ. Tu hành, trong giới sát sanh, chưa biết Phật dạy những gì, mà muốn tỏ ra mình hơn Phật.

* Phi lý: Phật dạy kiêng cử thịt cá, người ăn thịt cá là người cãi lời Phật. Cãi lời Phật, tức là muốn hơn Phật đó vậy.

- Phật dạy cử giết, chúng ta cứ ăn ấy mới phi lý, Phật dạy giữ 5 giới, chúng ta không giữ một giới nào, ấy mới là hơn Phật.

* Ăn chay không phải giữ giới hay sao?

- Đã nói rằng "ăn" không phải giới. Không thấy đem "giới" ra nói chuyện, cứ đem cái ăn ra bàn hoài không rồi.

* Vậy chớ sao, nó là vấn đề căn bản mà (Có thực mới giạt được đạo, dĩ thực vi tiên).

- Phải, nó là vấn đề sanh tử của dạ dày; nào phải vấn đề cần thiết của giải thoát. Chỉ có cái nghệ thuật "ăn" quanh năm quanh tháng giải quyết không xong.

* Đề mục "thịt, cá" tham khảo chưa dứt khoát, nên muốn bàn cãi cho ra lý đó thôi.

- Nên tìm những hành giả đã tu chứng được cái quả "từ bi" mà hỏi thì ra ánh sáng.

- Nghe nói họ lấy thịt và cá làm đề mục để trước mắt rồi quán tưởng cho thấy con thú bị cột trời khiến đến lò thịt bị hành quyết kêu la thảm khóc, rồi bị phân thây xé thịt đem đi bán; hoặc thấy con cá đương bơi lội tự do dưới nước, kẻ bị mắc câu, kéo lên bờ, ngộp thở giãy giụa rồi chết. Thấy cảnh tượng đau khổ như vậy, lòng từ bi vô lượng phát sanh lên, từ đó đến sau họ không nỡ ăn thịt cá nữa. Mình cũng muốn kinh nghiệm như họ; ngồi trước mâm cơm cũng ra sức quán tưởng, không thấy từ bi ứng hiện chút nào, trái lại mùi vị thịt cá xông lên thơm mũi, bắt trớn ních đầy bụng rồi lại thấy thỏa mãn là khác ... Cho nên dù trường chay mà lòng còn tham lam, sân hận, tà kiến vẫn sa địa ngục, không còn tham lam, sân hận, tà kiến trong lòng dù không ăn chay cũng sanh lên Thiên đàng.

* Trường chay còn sa địa ngục, mà người giữ giới còn ăn thịt cá mà cũng đi thiên đàng được sao?

- Người trước không thể sánh với người sau, bởi họ sợ giới mà không sợ 4 đường ác đạo. Người sau hơn người trước bởi họ nhờ giới để ngăn ngừa tội lỗi. Người trước chay trong lý thuyết, người sau chay theo thực tế.

* Thực tế trong chỗ ăn mặn phải chăng?

- Thực tế trong chỗ không quanh quẩn, không miệt mài trong cái ăn, không tự đắc với cái ăn, mà trầm tĩnh trong chỗ trau dồi thân khẩu.

Tu không lo cứ lo tranh chấp hoài về cái ăn, đã nói khô nước miếng mà câu chuyện vẫn không rồi. Bao giờ chúng ta phá được cái chấp, thì vấn đề ăn mới có thể chấm dứt được.

* Vì chúng ta còn ăn mặn, ít nhất cũng 20 ngày trong tháng, nên vẫn còn thắc mắc, hoài nghi đó thôi. Giải thích cho xuôi vấn đề ăn mặn thì cái chấp kia mới không còn tồn tại.

- Tu cốt để phá chấp, mà cả thầy lẫn trò chúng ta mặc dầu đại đa số cũng không dứt bỏ nổi cái chấp, cứ bám chặt vào lý thuyết chay, nghĩ thật buồn cười. Đức Phật đã phá chấp cho Đề bà đạt đa, mà ông này vẫn ngoan cố, chúng ta tài nào thức tỉnh môn đệ của ông.

Để chấm dứt câu chuyện ăn mặn, xin trình bày một vài ngu kiến:

Nên nhớ rằng nghiệp dữ nghiệp lành đều do tâm tạo ra. Các đồ tể và bạn hàng tôm cá vì quyền lợi cá nhân mà họ phải giết thú hại vật để bán kiếm lời. Họ giết nhiều, giết ít tùy theo nhu cầu của hai hạng người tiêu thụ:

Một hạng chẳng bao giờ lập tâm tính trước phải ăn món nào trong ngày; chờ ra chợ gặp gì mua nấy. Người vô tình, tức vô can, vô tội. Hạng khác thường lập ra sẵn một thực đơn trong ngày, bằng chẳng vậy, nếu thích món chi, họ cố tìm kiếm cho ra món ấy, với giá nào cũng mua cho bằng được, và nếu kiếm không ra, họ đòi hỏi bạn hàng, nay không được thì mai cũng có cho họ dùng. Có ý như vậy, tức đồng lõa cố sát.

Một đàng gặp chi ăn nấy, dầu thịt cá, lê hoát không cố chấp đây mặn, kia chay và xem các thức ăn ấy như vật chất bên ngoài để bồi bổ vật chất bên trong, đủ sống ngoài vòng tội lỗi, sống theo trung đạo của giới luật. Đàng khác lại phân biệt gắt gao chay với mặn. Khi ăn chay họ ăn toàn đồ lê hoát, lúc ăn mặn họ mạnh dạng đòi hỏi hoặc tự giết heo, bò, gà, vịt. Lắm khi ngoài miệng họ thiên về chay, trong lòng họ lại ngã qua mặn, cho nên đồ chay cũng có tên mặn: Nào là cá hấp, mắm ruột, sườn xào, tôm kho ... (nếu lòng không ngã qua mặn thì đặt tên mặn làm gì, đây là ăn chay nói dối). Tóm lại họ sống trong lợi dưỡng, sống ngoài vòng pháp luật nhà Phật, nên họ thành người cực đoan. Vì đó mà chay họ cũng chấp, mặn họ cũng chấp. Hai cái chấp đã ăn sâu vô xương tủy trí não, hết còn xét đoán được phải quấy, chánh tà. Cho nên Đức Phật có nói rằng: Số người sanh về nhân cảnh sánh như sừng bò (có 2, quá ít); số người sa vào ác đạo như lông bò (vô số kể).

Tôi đây đã cạn lời xin chấm dứt vấn đề "ăn".

Đây là "Không chê đồ chay, nhưng không chấp nhận thành kiến ăn chay" kiểu đó, nếu có thật (hình như thật rất nhiều).

6. SỰ THIỆN CHIẾU VÀ SỰ AN CHAY

Quyển "Tranh Biện" của Xích Liên xuất bản 1929 - 1932, quyển thượng, trang 151 - 169 ghi rằng:

Coi Ai là tà thuyết.

"Ai nói Ta có thuyết pháp tức là mắng Ta" (Thích Ca Mâu Ni.)

"Phật thuyết pháp 45 năm, chuyên trị có một chứng bệnh "chấp trước", vì "chấp trước" là nguồn gốc thông khổ của người đời. Phật tùy cái bệnh "chấp ta chấp cảnh" mà cho thứ thuốc pháp "vô ngã vô thường", tùy bệnh "có" mà cho thuốc "không", tùy bệnh "không" mà cho thuốc "chẳng không chẳng có". Bệnh có nhiều chứng, thì thuốc phải có nhiều phương, mà cũng đều trị lành được cái bệnh "chấp trước".

Nhưng, vì hiểu thấu tâm lý của người đời, Phật còn lo xa nữa, lo có kẻ lầm tưởng thứ thuốc của mình uống là trị được hết các chứng bệnh ở thế gian, lo có người hiểu sai rằng thứ pháp của mình nghe là hợp hết căn cơ của quần chúng, lo có kẻ cố thuốc mà thêm đau, lo có người chấp pháp mà bị trời, cho nên Phật mới nói một cách tự nhiên rằng "Ta không có thuyết pháp đả! Nếu ai nói Ta có thuyết pháp, tức là mắng Ta"

Ai nấy có hiểu Phật nói cái gì không? Thì Phật bảo chúng ta đừng có một mảy chấp trước nào, mới thật là hoàn toàn giải thoát.

Thích Ca Mâu Ni! Thích Ca Mâu Ni! Dẫu ai họ có cười tôi là người chưa được tự chủ, mặc họ, tôi cũng xin cuối đầu mà nhìn nhận Ngài là một đấng từ phụ, một vị đạo sư, một nhà triết học, một nhà tâm lý học, đại từ đại bi, đại thánh đại trí, hoàn toàn tuyệt đích ở thế gian này!

Phải chi hết thầy hiểu được cái diệu lý của Ngài, thì đâu có "chấp ta" "chấp pháp", mà xâu xé tranh giành, làm cho thêm thông khổ? Đau đớn thay!

Phải chi họ muốn hiểu Phật pháp thế nào thì hiểu ai cấm? Họ muốn bơi xuống mà rước một ít người qua lại ở rạch cốc, rạch bản gì thì rước, ai cản? Ấy là quyền riêng của họ mà. Cái này họ đèo bông rù thiên hạ tấy chạy mấy chiếc tàu chạy từ Đại tây dương qua Thái bình dương, chẳng luận ở đâu, cũng bảo cứ đi xuống của mình, ấy mới có sanh giặc!

Ông Hiền Huệ, ông có lòng bệnh vực Phật pháp, thật tôi hết sức kính trọng và vui mừng. Nhưng tôi xin khuyên ông một điều, là trước hết phải tập ăn nói cho ngay thật, đừng rửa sạch cái "nhục" từ hồi nào đến bây giờ người ta cứ nói "Ăn mặn nói ngay, ăn chay nói vạy" đó đi đã. Nếu cái "nói vạy" là cái "di truyền", ông không thể bỏ đi được, thì thôi, xin ông đừng ép buộc người ta.

Tôi cứ theo sự thật, chép ở trang 21, trong sách P.G.V.Đ của tôi, rằng Phật có ăn thịt heo rừng của Cunda (Thuần Đà) dâng cho. Nói thật, ông bảo là tà thuyết! Ông bảo sao không chịu căn cứ ở kinh Đại Niết Bàn của Tàu.

Thưa ông, tôi không tin kinh nào hết. Có tin, cũng không phải tin trọn cả bộ. Kinh nào nói thật hơn, lời nào nói đúng lý, tôi tin, chẳng riêng của Nam tôn hay của Bắc tôn.

Rất đỗi hồi ông Anan còn hiện tại, cách Phật chưa bao xa, nguyên bài kệ kinh Pháp cú (Dhammapada): "Nếu người sống trăm tuổi, không tỏ pháp "sanh diệt", chẳng bằng sống một ngày mà được hiểu rõ đó". Vạy mà đã có người đọc sai đi rồi: "Nếu người sống trăm tuổi, không thấy hạc giả nước, chẳng bằng sống một ngày mà được ngó thấy đó".

Huống chi cách Phật lâu đời, trải qua nhiều nước, kinh nào cũng tin bướng theo càn, lời nào cũng cho là lời Phật, không biết suy xét lọc lựa, thì có khác nào bung chén thuốc độc mà tự sát một cách vô lý!

Ông bảo: "Đại phạm nghiên cứu kinh Phật, thì phải lấy thiệt sự học thức của mình, đem ra mà khảo cứu cho thật kỹ, phân chia tà chánh giả chơn; ấy là dĩ kinh chứng kinh (lấy kinh này làm chứng cho kinh kia) rồi mới dám làm sách phô trương ra cho muôn người tụng đọc".

Vâng! Thì tôi đã "Dĩ kinh chứng kinh" sao ông không lấy lý trí (Reason) mà suy xét? Tôi cũng biết trước rằng sẽ có một số người cho kinh Tàu là đúng hết, nên tôi không dẫn chứng ở quyển Gautama le Bouddha, mà lại dẫn chứng ở kinh A Hàm, kinh Tàu, trong Đại Tạng.

Xin ông chịu khó dờ quyển trung, trong bộ sách "Luơng nhậm công cật trừ đệ nhứt tập" là một quyển sách chuyên khảo về Phật học, ông sẽ thấy Luơng Khải Siêu tiên sanh lấy con mắt nhà lâm sử, dùng phương pháp khoa học khảo cứu một cách tường tận, ở trang 290, ông chỉ những lẽ gì mà người thật muốn nghiên cứu Phật học phải nghiên cứu kinh A Hàm. Vậy thì tôi đem kinh A Hàm mà đối chứng với quyển sách của Soubhara, là một quyển sách do kinh điển Pàli mà viết ra, tường cũng không phải là "vô giá trị".

Tôi đã biết rồi, biết ông Phật của người ta hiểu, khác với ông Phật của tôi hiểu; biết cái người ta cử mà mình không kiêng, thế nào cũng sẽ bị chúng mắng! Bởi vậy, trước khi trích lấy đoạn ấy, lo viện đủ lẽ, mà ngừa trước đón sau rồi. Vậy mà cũng không tránh khỏi kẻ điếc không sợ sấm!

Trương 21, tôi đã chú giải rằng: "Quả thiệt Phật có ăn thịt heo rừng quay" sao? Nhưng trong kinh Trường A Hàm (Dirgagamas) thì nói Phật ăn nấm cây chiên đàn (Candana) của Cunda mà thọ bệnh rồi vào Niết bàn: "... lại có nấu nấm cây chiên đàn là một món ăn rất quý dâng cho Phật. Phật bảo Châu Na (Cunda) chớ dọn "nấm" cho các thầy Bí Xu, Châu Na vâng lời Phật dạy mà không dám dọn cho các thầy Bí Xu".

Tôi thấy kinh Trường A Hàm nói như vậy, nên đặt ra mấy câu hỏi như vậy: "Nếu thiệt là "Nấm cây chiên đàn sao Phật không cho Châu Na dọn cho các thầy Bí Xu? Hay là nấm ấy có độc mà Phật không cho dọn các thầy Bí Xu ăn? Nếu quả nấm ấy có độc, ăn vào có hại đến mạng người, thì sao gọi là món ăn rất quý? Sao Châu Na lại đem món ấy mà dâng cho Phật?"

Bao nhiêu đó, tôi còn sợ chưa đủ lẽ, lại thêm rằng: "Huống chi Đê hoa đất ta sau khi làm hai Phật không được, bèn tự xưng là Đại sư và chế "Tám đường chánh" của Phật không phải là chơn đạo, mà "5 phép" của Va lập ra mới là chơn đạo: "... 5. trợn đời không ăn cá, thịt, muối, sủ".

Rồi tôi lại đặt ra một câu hỏi: "Nếu 5 phép ấy không khác với Phật pháp thì sao Đê hoa đất ta gọi là chơn đạo mà chế "Tám đường chánh" của Phật không phải là chơn đạo?" (Nếu Đức Phật và các Tỳ kheo Tăng đã ăn chay, và điu ăn chay thì Devadatta còn xin Phật hãy cấm ăn cá, thịt làm gì nữa? Và nếu Đức Phật không có ăn cá, thịt thì sao Phật không chấp nhận lời xin của Devadatta?)

Ông Hiền Huệ, ông bác đoạn sách tôi chép đó là tà thuyết, thì trước phải trả lời mấy câu hỏi ấy cho suông đã. Tôi dám chắc rằng không bao giờ ông trả lời được. Có được, chẳng qua ông nói bướng rằng: "Cái đó tại Phật Đà Da Xá (Buddhayasas) dịch giả kinh Trường A Hàm thêm vào đoạn ấy!". Nếu vậy, thì người ta cũng có thể nói: "Nếu kinh Niết Bàn không có đoạn đó, chắc là dịch giả bỏ bớt", rồi ông mới làm sao?

Nhưng, không ai được quyền gì mà nói rằng Phật Đà Da Xá thêm vào đoạn ấy. Nếu quả là "thêm vào" sao không nói trắng ra, mà lại nói trở là "nấm cây chiên đàn"? Có gì đâu lạ! Chẳng qua dịch giả đã khổ tâm về chỗ đó: Nếu nói trắng ra, sợ e hạng phạm tục. xem Phật cũng tầm thường bằng con mắt thịt của họ, rồi đầu đạo lý có cao thượng cho mấy. họ cũng không thèm nghe; còn nếu bỏ bớt đoạn ấy đi, thì làm mất sự thật, cho nên cực chẳng đã phải "nói trở" vậy thôi.

Đây là "để dễ thu hút tín đồ của họ".

Thưa ông, tôi xin nhắc lại với ông một lần nữa: Nếu ông muốn bác đoạn sách tôi chép đó là tà thuyết, thì trước hết ông phải trả lời cho xuôi mấy câu hỏi trong sách của tôi đã.

Ông nói: "Nếu cho chắc rằng Phật có ăn thịt, sao sư chưa ngã mặn cho rồi, còn chờ chừng nào, là vì Phật kia còn ăn thịt, huống chi là đệ tử Phật còn sợ phạm giới nổi gì?"

Tôi chờ chừng nào đã được thành Phật ... nhưng thưa ông, nếu tôi có lòng chờ thành Phật đặng ngã mặn, thì không biết đời nào kiếp nào mà thành Phật được. Bởi còn cố ăn quá!

Ở nước nào thì tôi không biết, chớ trong cõi Việt Nam này, tín đồ ai nấy hình như họ còn nhớ lời Phật dạy Cunda: "Người phải đem chôn hết món thịt dư này vì không phải Sa Ma Na, các Bồ Ra Mãn, loại trời, loại người được dùng, chỉ có Phật dùng là khỏi hại mà thôi". Cho nên mấy thầy Sa Ma Na có ghé nhà họ lỡ bữa, họ sợ mắc nhân mạng, có dám "dọn mặn" đâu ông!

Mà hiện giờ tôi chưa thành Phật, ông bảo tôi sao không ngã mặn cho rồi, bộ ông muốn giết tôi sao?

Vậy cho ai nấy sáng con mắt: Ông Hiền Huệ là người biết ăn chay niệm Phật đã.

Tôi cũng nghĩ mà cười thâm: Sao ông Huệ Năng chính mình luộc rau trong trách thịt, mà người đạo Phật ai nấy cũng đều sùng bái ông là vị Tổ thứ sáu của Thiên tôn nước Tàu, lạ thay!

Ông nói "Còn nói Phật ăn thịt đặng, Tăng đồ ăn không đặng, thì thiệt là vô lý. Thí dụ như: Ông quan kia cấm nhân dân chằng đặng làm điều chi sai luật, nếu phạm luật của ông thì phải bị tù tội, mà chính ông quan đó ông phạm luật của ông truyền, vậy ông quan đó có tội cùng chằng?"

Thôi rồi còn chi! Người xưng mình là người đạo Phật, ra bên vực đạo Phật, mà chính mình lại không biết Phật là gì. Phật pháp là gì, tôi có ngờ đâu! Phải chi tôi có "nước mắt thừa" cũng nhơn công ra mà khóc, khóc mấy chỗ đã chấn hưng Phật giáo, khóc mấy người đã lo chấn hưng Phật giáo!

Phật là người đã sáng suốt trong lòng, không đổi thay theo hoàn cảnh. Cho nên, món ăn thì dở hay ngon cũng không tương, thân thể thì đau hay mạnh cũng như thường, không gì làm cho thông khổ được.

Phật là một nhà giáo dục, lấy lẽ phải mà khuyên dạy học trò, chớ đâu phải như một ông quan dùng cường quyền mà cấm mà phạt ... đâu, ông lại đem so sánh với Phật? Mà trong bộ Thập tụng Luật, quyển 37, Phật cho các thầy Bí Xú ăn 3 món "thịt sạch" kia kia (1- Không thấy giết; 2- Không nghe giết; 3- Không nghĩ rằng người ta giết cho mình ăn). Ông không tin? Thì ở Trà vinh sẵn có Đại Tạng đó, chịu khó dỡ mà xem đi.

Hay là ông lại chê luật của Tiểu thừa? Thì ông dỡ kinh Đại thừa ra xem, sẽ thấy kinh Niết bàn, quyển 4, có nói: "Ca Diếp Bồ tát lại bạch Phật rằng: "Thế tôn! Vì sau Ngài không cho ăn thịt?" - : "Ăn thịt thì dứt giống từ bi" (nghĩa là không thương hết chúng sanh) - : "Vậy sao trước kia Ngài cho các Thầy Tỷ khuru (Bí Xu) ăn 3 món thịt sạch"?"

Ông thấy chưa? Từ khi Phật thành đạo cho đến khi gần Niết Bàn 45 năm, các thầy Bí Xu, Phật không bảo ăn chay lúc nào hết!

Hay ông không tin luật Tiểu thừa, mà cũng không tin kinh Đại thừa nữa, thì thôi, ông không phải người đạo Phật, xin đừng can thiệp đến sách vở của chúng tôi.

Nếu ông tin là có, các thầy Bí Xu vẫn ăn thịt từ hồi Phật mới thuyết pháp cho đến khi Phật nhập Niết Bàn, thì tôi lại xin hỏi ông: Sao ông dám chắc rằng Phật không ăn thịt?

Ông có hiểu 2 chữ "Bí Xu" (Tỳ khưu) là gì không? Nếu ông trả lời: Bí Xu nghĩa là: "người xin ăn" thì tôi xin nói: Nếu các thầy Bí Xu có "ăn thịt" thì Phật phải có "ăn thịt". Vì Phật cũng là "Bí Xu" vậy. Ông lại quên sao? Thì trong kinh Kim Cang, đêm nào ông cũng tụng, trong ấy có nói: "Khi bấy giờ, Đức Thế tôn đến giờ ăn, mang ca sa, bưng bình bát vào thành Xá vệ xin ăn".

Cũng như các thầy Bí Xu khác, Phật là một thầy Bí Xu tuổi cao đức trọng trong hội Tăng già (Sangha) cũng bưng bát xin ăn, duy có lòng được hoàn toàn sáng suốt, rồi ra khai sáng cho đời, nên kêu là Phật, chứ có gì đâu lại!

Hay là ông tôn trọng Phật thái quá rồi bảo chữa như thế này: Các thầy Bí Xu tuy có ăn thịt, song Phật vẫn ăn chay? Nếu thật vậy, là ông rủ người ta mang Phật là ích kỷ! Sao Phật cho các thầy Bí Xu ăn thịt cho bị hại, còn Phật lại ăn chay cho được thoát khổ một mình? Ông có nghĩ đến chỗ đó không?

Ông thường tụng kinh Kim Cang thì phải nhớ: "Nhu Lai là người nói thật, nói chắc không nói dối, không nói lạ lùng". Vậy ông muốn biết Phật muốn thành Phật, thì phải chừa cái tật nói dối, phải cần răng mà nói thiệt đi.

Ta tìm kinh luật, tra ở địa lý, cứ theo lịch sử, thì thấy khi Phật còn tại thế, chưa thiết hành cái chủ nghĩa "ăn chay".

Nhưng sau khi Phật Niết bàn, trong Giáo hội mới chia ra Thượng Tọa Bộ, Đại Chúng Bộ (hay Tiểu Thừa, Đại thừa) nên mới phát hiện cái vấn đề "ăn mặn ăn chay". Phái Tiểu Thừa là phái Bảo thủ, cứ dùng "3 món thịt sạch", như Giáo hội ở Tích Lan, Xiêm La, Cao Miên, Miến Điện, Ai Lao ... đến nay cũng chưa biết cái "Ăn chay" là gì! Chỉ có phái Đại thừa suy theo cái lời Phật dạy Cunda (Thuần Đà) phát huy cái nghĩa "Từ bi bất sát" mới có cái lệ "ăn chay". Và lại như Trung Quốc, Việt Nam, Cao Ly, Nhật Bản không có cái lệ "ăn xin" thì làm sao tìm tại chùa cho có "3 món thịt sạch"?

Không lo giải thoát cứ chấp nhứt mãi trong vòng ăn mặn, ăn chay! Họ tưởng cái ăn chay là chơn tu, là từ bi đúng đắn rồi. Có dè đâu, ta mặc áo lụa, ở nhà ngói, đi xe hơi mà trong đời có nhiều người vì bệnh khô, vì cơ hàn, vì bị đè nén mà tự sát nguyên sinh; mỗi năm ta đóng góp một số tiền, tưởng đã làm tròn bổn phận, có biết đâu chính mình vô ý mà sấm thêm khí giới giết người. Như vậy, ta tuy không ăn thịt thú vật, nhưng ăn thịt người một cách gián tiếp vậy. Tôi không biết mấy người chấp ăn chay là từ bi đúng đắn đó, có xét đến chỗ ấy không? Đây là "Vô tình thân phá chấp"

Ông nói: "Đức Phật thường lấy lòng từ bi, bác ái tế độ quần sanh. Ngài lập ra 250 giới luật để răn dạy môn đồ đương thời và hậu thế, có lý nào Ngài phạm nhằm điều luật thứ nhứt hay sao?"

Ông lầm rồi! Phật chính mình không giết, không xúi ai giết, cũng không thấy ai giết con heo rừng ấy mà vui mừng. Vậy cái giới "sát sanh" không khép vào ở khoản này được. Thôi, bảị nại đi, đừng để người thuộc luật họ bác đơn mà mang xúi!

Nhưng ông cũng chớ nên hiểu lầm rằng giới luật của Phật pháp như tín điều (Dogmes) của các tôn giáo khác, giới luật chẳng qua là một cái phương tiện mượn để đến chỗ cứu cánh là "trí tuệ" mà thôi. Tôi tuy không phải là nhà luật sư chuyên môn, song cũng hiểu được đại khái.

Mục đích cứu cánh của Phật pháp là: Độ hết quần sanh đồng lên cõi sáng suốt. Nhưng trước kia ta chưa mở trí huệ, thì lòng ta cứ loạn động không yên, đổi thay theo hoàn cảnh, thấy cảnh

khổ thì chán chê, thấy cảnh vui thì ham muốn, vậy thì đâu dám đâm thuyền ra cứu vớt những kẻ đương lặn hụp ở giữa chốn ba đào, ra tay tháo cũi cho đám còn bị lao lung trong địa ngục? Bởi vậy cho nên mới mượn cái phương tiện "giới luật" cho yên tịnh trong lòng, đặt đến cái mục đích "trí huệ" vậy.

Ông dẫn chứng ở kinh Đại bát Niết bàn: "Ta xem cả thầy chúng sinh như La hầu La chẳng khác" rồi ông nói thêm: "Phật đã nói như vậy, sao Sư cho rằng Phật ăn thịt chúng sanh. Hay là Sư cho con heo là loài thú chẳng phải chúng sinh sao?"

Câu kinh ấy, đáng lẽ ông đừng đăng lên mặt báo, giữa mắt muôn người, mà chỉ nói nhỏ một mình tôi nghe mà thôi. Vì tôi đã biết Phật, cho nên tôi tin bằng lời. Nếu người không tin, có biết chuyện Nhạc dương tử, không khỏi họ nói Phật có ăn thịt, rồi ông mới làm sao? Vì chính miệng ông khai ra cho người ta đủ bằng cứ mà buộc tội đó!

Trong sách tôi, lời đáp câu hỏi 82: "Vi Phật có dặn bảo các thầy Bí Xu rằng chớ nên từ chối một vật gì của người có bụng tốt dâng cho". Ông lấy câu ấy mà nạn tôi rằng: "Bạch sư Thiện Chiếu, Sư là đệ tử của Phật, phải y theo giáo lý của Phật mà tu hành, chỉ như có người phụ nữ hình dung yếu điệu, cốt cách phương phi, thấy Sư tu hành theo hạnh Phật, cô ấy động lòng cung kính muốn dâng thân ngọc cho Sư, đặt phục thị như Ma dâng giả thuở nọ. Không biết lúc đó Sư có phân biệt lời Phật nói đó là nói theo chuyện, chớ chẳng phải lời nhứt định, thì ôi thôi biết bao là khoái lạc cho Sư".

Tôi có mấy lẽ trả lời dưới đây, vậy ông muốn nhận lẽ nào cũng được.

1/ Nếu người đã chán cái khổ gia đình mà đi tu, không ai đại gì liếm lại nước miếng của mình đã nhỏ.

2/ Nếu người chưa trải đủ mùi đời, xuất gia cũng chưa hiểu đạo rùi gặp cái "ca" như vậy, tôi tưởng nghiệp ai gây nấy chịu, có mắc mớ gì mình?

3/ Nếu người nào còn thấy người phụ nữ là hình dung yếu điệu, là cốt cách phương phi, thì họ cho là khoái lạc là phải. Nếu như vậy, dẫu "trời đánh" họ cũng chẳng buồn, có biết gì Phật nói theo chuyện cũng chẳng theo chuyện!

4/ Nếu người hiểu lý vô thường, đã có huệ nhãn thì cái mà thiên hạ cho là "ngôi sao", trái lại, người ta xem như ngọn đèn leo lét ở giữa gió: Mắt lờ, tai điếc, tóc bạc, da nhăn, một bà già mang lột phần son mà gạt người phạm tục! Đã hết hy vọng rồi, còn gì mà khoái lạc?

5/ Cưu ma la thập pháp sư có gan mà nhận lãnh mười người kỳ nữ của chúa Diêu Tần ban cho, cái đó cũng là thưởng. Nhưng không hiểu sao Ngài biết được đời sau không ai chê kinh điển của Ngài dịch thuật, ấy mới lạ thay!

Chính ông Hiền Huệ, là người hay chấp nhứt, mà mỗi đêm tụng kinh Kim Cang, trước hết cũng đọc: "Diêu Tần Tam Tạng pháp sư Cưu ma la thập dịch" tỏ lòng biết ơn và cung kính!

Ông nói: "Sư dịch sách không chịu tra cứu để biên càng dịch lúng, dám nói Thuận Đà (Cunda) là tên thợ rèn làm thịt heo rừng quay mà đãi Phật, thiệt là vô lý quá, ông Thuận Đà là một vị Bồ tát đâu phải là thợ rèn".

Thật tôi nói không sai! Bây giờ ông đã lờ cái chơn tướng là tín đồ của Bà là môn giáo rồi! Nếu người đạo Phật sao còn cái óc giai cấp? Sao không hiểu cái nghĩa "hết thầy chúng sanh đều thành Phật được" của Phật pháp?

Thợ rèn là cái tên chỉ "nghề nghiệp để nuôi mạng sống", còn "Bồ tát" là cái tên chỉ "người còn thân phàm mà được sáng suốt trong lòng, thế thì cái thân "thợ rèn" cũng được cái lòng "Bồ tát" như ai vậy chứ!

Giả sử như có người hỏi ông: "Phần đông nhơn loại ở cái xã hội hiện tại này, đều là hạng nghèo khổ, đem mồ hôi mà đổi bát cơm, có nhiều nghề còn bị cực khổ, bị đầy đọa hơn cái nghề thợ rèn nữa". Mà theo như ông nói: "Thuần Đà là một vị Bồ tát, đâu phải tên thợ rèn" ấy là ông muốn nói nghề thợ rèn là nghề hèn hạ, đâu được làm đến bậc Bồ tát. Hạng nghèo khổ chúng tôi đã không được cái hân hạnh làm Bồ tát, không làm được Bồ tát, thì không thoát được cảnh khổ. Vậy sao nghe nói đạo Phật là đạo cứu khổ? Hay là ông nói cứu khổ cho hạng giàu sang quyền thế? Nhưng hạng ấy họ có khổ gì đâu!"

Người ta hỏi như vậy rồi ông mới trả lời làm sao? Nếu ông cũng nói như tôi: Bồ tát là người còn thân phàm mà lòng đã được sáng suốt. Cái sáng suốt đã ở trong lòng, mà không phải ở nơi nghề nghiệp, vậy sao tôi nói Thuần đà là người thợ rèn mà ông lại cho là vô lý?

Ông còn chưa thêm rằng: "Thuần đà là con ông thợ khéo (Xảo công chi tử) chứ Pháp dịch là Orfèvre".

Trong mấy bài trước, tôi giải đáp như vậy, chắc độc giả phân biệt được chánh tà rồi, và ông Hiền Huệ cũng không còn viện lẽ gì mà chối cãi được nữa. Song cuối bài của ông, lại còn dẫn chứng ở kinh Đại bát Niết bàn, nói rằng người dọn thịt mời Phật tên là Đại cát sư, không phải Thuần đà, vậy tôi phải cắt nghĩa thêm về khoản ấy.

Ông Hiền Huệ dịch một đoạn ở phẩm Tùy hỷ: "Tại Vương xá thành có tên Đại cát sư làm thịt loài vật mà cúng dường Đức Phật và các Tăng đồ, người ấy hết lòng năn nỉ cầu xin Đức Phật nhận giùm, song Đức Thế Tôn không dùng lễ đó mà lại nói rằng: "Ta từ thuở nay chưa từng ăn thịt của loài vật bao giờ, là gì Ta xem cả thấy chúng sanh như con Ta chẳng khác".

Thưa ông, đoạn kinh ấy, theo tôi thì chắc hẳn phải Đại thừa thêm vào. Bởi vì Phật đã nói với Đại cát sư rằng: "Ta từ thuở nay chưa từng ăn thịt những loài vật bao giờ", ấy đủ biết trong kinh nói Phật ăn chay từ hồi mới xuất gia, hoặc trước khi xuất gia kia lặn. Mà Phật lại thường ở Trúc Viên (Veluvana) tại Vương Xá thành, nhiều lần thuyết pháp. Vậy theo lời ông dẫn chứng, thì Đại cát sư cúng là người ở Vương Xá thành, sao không biết Phật và Tăng chúng ăn chay, lại làm thịt loài vật mà cúng dường? Hay là ông nói: Đại cát sư chưa đến Trúc Viên mà nghe pháp, chưa biết Phật, chưa gặp Tăng chúng lần nào, nên không biết Phật và Tăng chúng ăn chay.

Ừ lạ chưa? Đã chưa từng quen biết, sao lại làm thịt loài vật và cúng dường?

Hay là ông nói: "Tuy chưa quen biết, song cũng nghe người ta nói"? Nếu người ta nói thì Phật và Tăng chúng ăn chay, người ta cũng nói luôn chứ. Có đâu để cho Đại cát sư giết đến mười con heo, nếu không, thì cũng năm con bò (ấy là theo số đệ tử Phật theo hộ giá phò trì đến 1250 người của ông nói đó), rồi năn nỉ cầu xin cách mấy Phật và Tăng chúng cũng không dùng?

Thưa ông, ông còn đem kinh ra làm chứng nữa thôi? Ông phải biết, *ấy chẳng qua phải Đại thừa thêm vào, để cho vững cái thuyết "ăn chay" của họ mà thôi.*

THIỆN CHIẾU

7. PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA TÂY TẠNG VÀ SỰ ĂN CHAY

Quyển "Lịch Sử Phật Giáo thế giới" tập Một, của Pháp sư Thánh Nghiêm, nhà xuất bản Hà Nội - 1995, nhóm biên dịch: G.S Nguyễn Đức Sâm, Mai Xuân Hải, Nguyễn Tả Nhị. Dịch theo

cuốn "Thế giới Phật Giáo Thông Sử" do nhà xuất bản Đông Sơn ấn hành tháng 9 năm 1991, trang 434 - 436 ghi rằng:

"Do tư tưởng không coi trọng xác thịt ấy, mà tuy Tây Tạng cũng cùng là Phật giáo Đại thừa, nhưng không chú trọng ăn chay như Phật giáo Trung Quốc. Điều thứ ba trong kinh giới của Phạm Võng Bồ tát giới qui định trên văn bản rõ ràng: "Mọi thứ thịt không được ăn, làm hư hại hạt giống của tính đại từ bi", không được ăn thịt của mọi thứ chúng sinh, ăn thịt chịu tội vô lượng. Điều 20 lại nói: "Giết mà ăn thịt, tức là giết bố mẹ ta". Phật giáo Tây Tạng không thế. Họ cho rằng người tu hành ăn thịt chúng sinh tức là kết duyên với chúng sinh bị ăn thịt, ăn thịt của chúng sinh mà lại tu trì Phật pháp, thịt của chúng sinh ấy tuy bị ăn, nhưng thần thức thì nhờ đó mà được siêu thoát. Vì vậy ăn thịt không phải là có tội, nhưng tự họ không sát sanh, giết thịt cừu, bò là việc riêng của tiện nhân và những tín đồ Hồi giáo sống ở Tây tạng, đồng thời họ có một lý do khác để làm đầy đủ lý do của thuyết họ, họ ăn thịt bò cừu mà không ăn thịt tôm cá. Họ nói rằng cùng là ăn thịt chúng sinh, một động vật to như bò hoặc cừu, thì có thể nhiều người cùng ăn, còn nếu ăn tôm, cá, sò, ốc thì phải nhiều chúng sinh mới đủ cho một người ăn no, cho nên bất luận tăng tục chi ăn thịt động vật to như bò như cừu chứ không ăn tôm cá, thủy sản. Thật ra thì, đây là do Tây tạng ở cao nguyên, tuy kinh doanh cả trồng trọt chăn nuôi, nhưng sản phẩm trồng trọt không đủ ăn, cũng không đủ để chống rét, gia súc nuôi thì chủ yếu là bò, cừu. Đúng như Đạt lai đời thứ 14 đã nói: Ở Tây tạng, phần lớn là những vùng khí hậu giá lạnh, tuy có rất nhiều cái ăn, nhưng chủng loại rất có hạn, không ăn thịt, không hề giữ được sức khỏe, hơn nữa, trước khi Phật giáo truyền vào, từ lâu đã quen với tập quán này rồi. Người Tây Tạng cho rằng giết bất cứ một gia súc nào cũng là có tội, bất luận là vì lý do gì, nhưng họ không cho rằng ra chợ mua thịt bất cứ động vật đã chết nào là có tội. Còn người giết thịt giống thú để bán thì cho là người có tội và là kẻ vô lại". Lại nói ở Tây tạng của họ "Chim và đã thú đều đi lại thoải mái, không sợ người, bởi vì nhân dân ta đều là tín đồ Phật giáo, quyết không thể để ý làm hại bất cứ một sinh vật sống nào" ("Hải triều âm" số 45 - 11, bài "Sự chuyển thế của Phật sống" do cư sĩ Khả Hoa dịch).

Có thể thấy, từ bị giới sát cũng là tín ngưỡng của người Tây tạng. Vì vậy sau khi A Đê La vào Tây tạng thì Tây tạng bỏ tội tử hình. Đó là việc đã xảy vào thế kỷ 11 Công lịch. Trong những tầng lớp thì Tây tạng cũng có những người ăn chay, như Đạt Lai Lạt Ma đời 14 hiện nay là một. Vì thế, việc cày đất ở Tây tạng kiêng dùng đồ sắt, sợ làm chết côn trùng dưới đất, đến nỗi sản xuất chịu ảnh hưởng lớn. Sau giải phóng, CHND Trung Hoa tiến hành cải cách, gieo trồng bằng thâm canh, nghe nói nông sản phẩm tăng lên nhanh chóng".

Quyển "Sống hạnh phúc chết bình an" Chân Huyền dịch 1999, của tác giả Hisholiness The DALAILAMA, tựa The Joyofliving and Dying in Peaca, trang 97 có ghi rằng:

"Mỗi ngày, cho tới khi chết, ta ăn uống để nuôi dưỡng cái thân. Tôi đã ngoài lục tuần rồi. Suốt hơn 60 năm đó, tôi đã ăn bao nhiêu thực phẩm, ăn bao nhiêu THỊT? BAO NHIÊU SINH VẬT ĐÃ MẤT MẠNG VÌ TÔI? Chúng ta dùng bao sức lực để nuôi cái thân. Nếu mục đích cuộc đời chỉ có thể thôi thì có lẽ ta chỉ nên làm loài thú hay sâu bọ, ít nhất là ta không làm hại loài khác" [*]

[*] Đây là lời của Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 14 nói.

Đây là "Một số nước Phật giáo Đại thừa ... họ cũng không bảo thủ tục ăn chay, nhưng với họ thì "Quân tử ưu đạo bất ưu thực"

Phật giáo Đại thừa Mông Cổ cũng giống như Tây tạng, ai có đi dự Đại hội Phật tử Á Châu Vì Hòa Bình thì biết rõ (Phái đoàn Phật giáo Việt Nam đi dự Đại hội ấy có H.T Trí Thủ, H.T Minh Châu, Ni sư Huỳnh Liên ... phải mang đồ chay theo để mà dùng).

Phật giáo Tây tạng cũng được truyền đến Cao ly, Nhật bản ...

8. HÒA THƯỢNG THIỆN HOA VÀ SỰ ẪN CHAY.

Quyển "**Phật học phổ thông**" bài thứ chín, đề "Ẩn chay" Hương Đạo xuất bản, Ban Hoàng pháp Phật giáo Nam Việt chủ trương, tái bản năm 1966, trang 153 ghi rằng:

"Những lợi ích của sự ăn chay đối với cá nhân rất lớn lao. Người ăn chay không những thấu hoạch được những lợi ích trong hiện tiền mà cả trong đời sống tương lai nữa.

Trong hiện tại, người ăn chay được những lợi ích sau đây:

- Tiết kiệm được tài chánh, vì đồ ăn chay rẽ hơn đồ ăn mặn nhiều.
- Tiết kiệm được ngày giờ và công lao nấu nướng, vì mướp, dưa, bầu, bí, khoai ... cắt rửa mau và ít tốn nước, và khi kho, luộc, nấu nướng lại mau chín, ít hao củi.
- Thân thể được khỏe mạnh, tinh thần được nhẹ nhàng, trong sạch: Trí tuệ được minh mẫn để tu thiền quán ..."

Đấy là "Không chê đồ chay" (Vì có lợi ích thiết thực).

Trang 151 ghi rằng:

"Những điều cần tránh:

a/ *Không nên kiêu mạn.* - Người có phúc duyên ăn chay được dễ dàng, không nên sanh lòng kiêu mạn, tự cho mình là hơn người, và khinh người ăn mặn. Làm như thế đã sanh ác cảm với người mà lại còn làm tổn âm đức của mình nữa.

b/ *Không háo danh.* - Có người mới bước vô đường đạo, họ đã ăn chay trường ngay, cốt để người khác khen ngợi. Ăn chay như thế là do lòng háo danh mà ra; hành động này không có lợi cho sự tu hành mà lại còn có hại: Khi không còn ai khen ngợi nữa, thì không thấy hứng thú để tiếp tục ăn chay nữa.

c/ *Không nên ép xác.* - Có người tưởng lầm rằng: Ăn chay là để hành hạ thân xác, nên cố ăn một cách cực khổ như chỉ ăn rỗng rã tương rau, muối sã ... từ năm này sang năm khác. Ăn như thế sẽ hao mòn thân xác và chết yếu trước khi thành đạo.

d/ *Không nên giả mặn.* - Có nhiều bà nội trợ muốn trở tài khéo léo của mình bằng cách nấu chay mà giả mặn, rồi đặt tên món ăn mặn hay làm ra những hình thức giống như đồ mặn. Thí dụ như: Cù hủ cao, cù hủ dừa kho mà gọi là cá tra kho, bấp chuối luộc trộn giấm và rau răm lại đặt là thịt gà xé phay; bí đao xắt mỏng cấp gắp nướng ăn với bánh hời mà lại đặt tên là thịt bò lụi ...

Như thế, là đã vô tình xúi giục người ăn chay nghĩ đến món mặn, miệng ăn rau dưa, mà lòng nhớ đến thịt cá, làm trò cười cho thế gian.

Đấy là "... nhưng không chấp nhận thành kiến ăn chay" và "Tuy không phải cá thịt nhưng là cá thịt (bởi khi ăn các món chay mà hình thức lẫn tên gọi đều la omón ăn mặn như thịt quay, cá kho ... món chay mà tâm mặn)".

BÁT NHÃ PHI BÁT NHÃ?

Bát Nhã Tâm Kinh đoạn đầu: "Quán Tự Tại Bồ tát, hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa, thò chiếu kiến ngũ uẩn giai không như thị thiết độ khổ ách. Xá Lợi Tử, Sắc tức thị không, không tức thị Sắc, Sắc bất dị không, không bất dị Sắc; thọ, tưởng, hành, thức, diệt phục như thị".

Vậy thảo mộc, thịt cá làm thực phẩm có phải là Sác chăng? Nếu là Sác, thì "Sác tức thị không" chẳng phải sao?

- Chữ "không" ở đây, muốn hiểu là "Bát Nhã" cũng được, là "Khái niệm" cũng được.

- Cái tên gọi "là vật thực", "thực phẩm chay", "thực phẩm mặn" không phải là "giả danh, khái niệm, không (Sunnatà)" hay sao?

Đấy là "Ảnh hưởng tinh thần Bát Nhã"!

-ooOoo-

LỜI BẠT

Sau khi kiểm tra lại các tài liệu kinh sách Phật giáo trong và ngoài nước thì thấy "Lời giới thiệu của TT Giác Chánh không có chỗ nào kích bác chay mặn, không hề bài bác Nam Tông, Bắc Tông, luôn cả Nho giáo, cũng không hề bôi bác các nước Phật giáo bạn, cũng không hề chỉ trích các tổ Thiên tông...

Những người lên mạng Internet ... phê bình TT Giác Chánh, nhưng họ cũng phải chấp nhận lời TT Giác Chánh là đúng, như cư sĩ Chơn Chánh viết: "Các Ngài hành đạo tùy duyên, không căn cứ vào bất kỳ một pháp nhất định nào để giáo hóa chúng sinh; gặp mặn thuyết mặn, gặp chay thuyết chay" và Liên Tâm cũng viết: "Truyền thống uyển chuyển ấy cũng vẫn còn được chư Tổ sư sau này noi theo". Đấy là "*Các vị Tổ sư cũng không quá cố chấp tập quán ăn chay*" của TT Giác Chánh.

Chỉ có Cung Đình Hương thì phản đối thẳng thừng: "Kính thưa quý vị! Đang ăn những món "chay giả mặn" xin quý vị cứ việc "ăn chay mà tâm mặn đi" thì Hòa thượng Thích Thiện Hoa quở: "Không nên giả mặn. - Có nhiều bà nội trợ muốn trở tài khéo léo của mình bằng cách nấu chay mà giả mặn ... như thế, là đã vô tình xúi giục người ăn chay nghĩ đến món mặn, miệng ăn rau dưa, mà lòng nhớ đến thịt cá, làm trò cười cho thế gian" (Phật Học Phổ Thông, bài ăn chay, trang 152).

Mong rằng các Phật tử trên "Diễn đàn Phật pháp" hãy giữ "Tâm bình khí hòa" khi biện luận Phật pháp ...

MONG THAY
Nhóm Phật tử Phù Sa
tháng 9-2001

[1](#) | [2](#) | [Giới thiệu](#) | [Dầu trang](#)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)